Ký bởi: Sở Tư pháp
Email: vanthu.sotp@hanoi.gov.vn
Ngày ký: 2020-08-03 09:58:16 +07:00

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI TRỰC TUYẾN "TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ QUY TẮC ỨNG XỬ GẮN VỚI VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG"

Số: 244 /QĐ-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ Câu hỏi cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu pháp luật về bảo vệ môi trường và quy tắc ứng xử gắn với việc bảo vệ môi trường" trên địa bàn thành phố Hà Nội

BAN TỔ CHỨC CUỘC THI TRỰC TUYẾN "TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ QUY TẮC ỨNG XỬ GẮN VỚI VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG"

Căn cứ Kế hoạch số 270/KH-UBND ngày 26/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn Thành phố năm 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 04/6/2020 của UBND Thành phố tổ chức Cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu pháp luật về bảo vệ môi trường và quy tắc ứng xử gắn với việc bảo vệ môi trường" trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 của UBND Thành phố về việc thành lập Ban Tổ chức Cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu pháp luật về bảo vệ môi trường và quy tắc ứng xử gắn với việc bảo vệ môi trường" trên địa bàn thành phố Hà Nội;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ Câu hỏi cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu pháp luật về bảo vệ môi trường và quy tắc ứng xử gắn với việc bảo vệ môi trường" trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 3. Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị Thành phố; các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c Lê Hồng Sơn- PCT UBND TP, Trưởng ban Tổ chức Cuộc thi (để b/c);
- Đ/c Giám đốc Sở (để b/c);
- Thành viên BTC cuộc thi;
- Lưu: VT, Phòng PBGDPL.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP
Tống Thị Thanh Nam

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI TRỰC TUYẾN "TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ QUY TẮC ỨNG XỬ GẮN VỚI VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ CÂU HỎI

Cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu pháp luật về bảo vệ môi trường và quy tắc ứng xử gắn với việc bảo vệ môi trường" trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 244 /QĐ-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Ban Tổ chức Cuộc thi)

Câu 1. Hiến pháp năm 2013 có những quy định nào dưới đây?

a) Nhà nước có chính sách bảo vệ môi trường; quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Nhà nước khuyến khích mọi hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

c) Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường, làm suy kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy giảm đa dạng sinh học phải bị xử lý nghiêm và có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 2. Hiến pháp năm 2013 có những quy định nào dưới đây?

a) Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật.

b) Tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất. Người sử dụng đất được chuyển quyền sử dụng đất, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật. Quyền sử dụng đất được pháp luật bảo hộ.

c) Nhà nước thu hồi đất do tổ chức, cá nhân đang sử dụng trong trường hợp thật cần thiết do luật định vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Việc thu hồi đất phải công khai, minh bạch và được bồi thường theo quy định của pháp luật.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 3. Luật Bảo vệ môi trường ban hành năm 2014 có hiệu lực từ thời điểm nào?

a) Ngày 01/01/2014.

b) Ngày 23/6/2014.

c) Ngày 01/01/2015.

d) Ngày 01/01/2016.

Câu 4. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 thì khái niệm "Môi trường" được hiểu theo nghĩa nào sau đây?

a) Môi trường là các yếu tố tự nhiên bao quanh con người có ảnh hưởng đến sự tồn tại của con người.

b) Môi trường là các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và sinh vật.

c) Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất như đất, nước, không khí ảnh hưởng đến đời sống, sự tồn tại và phát triển của con người.

d) Môi trường là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật.

Câu 5. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 thì khái niệm "Thành phần môi trường" được hiểu theo nghĩa nào sau đây?

a) Thành phần môi trường là các yếu tố tự nhiên và nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người.

b) Thành phần môi trường là bao gồm các yếu tố vật chất như đất, nước, không khí ảnh hưởng đến đời sống, sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật.

c) Thành phần môi trường là yếu tố vật chất tạo thành môi trường gồm đất, nước, không khí, âm thanh, ánh sáng, sinh vật và các hình thái vật chất khác.

d) Thành phần môi trường bao gồm đất, nước, không khí, âm thanh, sinh vật và các hình thái vật chất khác.

Câu 6. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 thì khái niệm "Hoạt động bảo vệ môi trường" được hiểu theo nghĩa nào sau đây?

a) Hoạt động bảo vệ môi trường là hoạt động giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện phục hồi môi trường; khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên, thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.

b) Hoạt động bảo vệ môi trường là hoạt động của mọi người trong thực hiện vệ sinh nhà ở, cơ quan, xí nghiệp.

c) Hoạt động bảo vệ môi trường là hoạt động bảo vệ rừng, bảo vệ cảnh quan môi trường.

d) Hoạt động bảo vệ môi trường là hoạt động khơi thông cống rãnh, bảo vệ nguồn nước.

Câu 7. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 thì khái niệm "Phát triển bền vững" được hiểu theo nghĩa nào sau đây?

a) Phát triển bền vững là phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường.

b) Phát triển bền vững là phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai.

c) Phát triển bền vững là sự kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường.

d) Phát triển bền vững là phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội.

Câu 8. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 thì khái niệm "Quy chuẩn kỹ thuật môi trường" được hiểu theo nghĩa nào sau đây?

a) Quy chuẩn kỹ thuật môi trường là mức giới hạn của các thông số về chất lượng môi trường xung quanh, hàm lượng của các chất gây ô nhiễm có trong chất thải, các yêu cầu kỹ thuật và quản lý được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới dạng văn bản bắt buộc áp dụng để bảo vệ môi trường.

b) Quy chuẩn kỹ thuật môi trường là mức giới hạn của các thông số về chất lượng môi trường xung quanh, hàm lượng của các chất gây ô nhiễm có trong chất thải, các yêu cầu kỹ thuật và quản lý được các cơ quan nhà nước và các tổ chức công bố dưới dạng văn bản tự nguyện áp dụng để bảo vệ môi trường.

c) Quy chuẩn kỹ thuật môi trường là mức giới hạn của các thông số về chất lượng môi trường bắt buộc áp dụng để bảo vệ môi trường.

d) Quy chuẩn kỹ thuật môi trường là mức giới hạn của các thông số về chất lượng môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới dạng văn bản bắt buộc áp dụng để bảo vệ môi trường.

Câu 9. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 thì sự biến đổi của các thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường và tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến con người và sinh vật được hiểu là khái niệm của cụm từ nào sau đây?

a) Sự biến đổi của môi trường.

b) Ô nhiễm môi trường.

c) Không có đáp án đúng.

d) Suy thoái môi trường.

Câu 10. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 thì sự suy giảm về chất lượng và số lượng của thành phần môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến con người và sinh vật là khái niệm của cụm từ nào sau đây?

a) Ô nhiễm môi trường.

b) Sự cố môi trường.

c) Suy thoái môi trường.

d) Sức chịu tải môi trường.

Câu 11. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 thì khái niệm "Chất thải" được hiểu theo nghĩa nào sau đây?

a) Chất thải là các chất chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy.

b) Chất thải là vật chất được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.

c) Chất thải là các chất hóa học, các yếu tố vật lý và sinh học.

d) Chất thải là các chất gây ăn mòn, gây ngộ độc hoặc có đặc tính nguy hại khác.

Câu 12. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 thì chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây ngộ độc hoặc có đặc tính nguy hại khác là khái niệm của cụm từ nào sau đây?

a) Chất gây ô nhiễm.

b) Chất thải rắn.

c) Chất thải nguy hại.

d) Chất thải phóng xạ.

Câu 13. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 thì phế liệu là vật liệu được thu hồi, phân loại, lựa chọn từ những vật liệu, sản phẩm đã bị loại bỏ từ quá trình sản xuất hoặc tiêu dùng để sử dụng làm việc gì đưới đây?

a) Phân bón.

b) Vật liệu xây dựng.

c) Nguyên liệu cho một quá trình sản xuất khác.

d) Chất đốt.

Câu 14. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 thì khái niệm "Sức chịu tải của môi trường" được hiểu theo nghĩa nào sau đây?

a) Giới hạn tối đa cho phép về nồng độ các môi chất mà môi trường có

thể hấp thụ.

b) Giới hạn chịu đựng của môi trường đối với các nhân tố tác động để môi trường có thể tự phục hồi.

c) Giới hạn cho phép mà môi trường có thể tiếp nhận và hấp thụ các chất thải.

d) Giới hạn cho phép các chất thải nguy hại có thể đưa vào môi trường.

Câu 15. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 thì khái niệm "Đánh giá tác động môi trường" được hiểu theo nghĩa nào dưới đây?

a) "Đánh giá tác động môi trường" là việc phân tích, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư cụ thể.

b) "Đánh giá tác động môi trường" là để đưa ra biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó.

c) "Đánh giá tác động môi trường" là việc phân tích, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 16. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 thì khái niệm "Ứng phó với biến đổi khí hậu" được hiểu theo nghĩa nào dưới đây?

a) Ứng phó với biến đổi khí hậu là các hoạt động của con người nhằm thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu.

b) Ứng phó với biến đổi khí hậu là các hoạt động của của con người nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Ứng phó với biến đổi khí hậu là hoạt động của con người nhằm giảm thiểu biến đổi khí hậu.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 17. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, "Tín chỉ các-bon" là sự chứng nhận hoặc giấy phép có thể giao dịch thương mại liên quan đến nội dung nào dưới đây?

a) Lượng phát thải CO2.

b) Giảm phát thải khí nhà kính.

c) Phát thải các bon.

d) Giảm phát thải CO.

Câu 18. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 không quy định nguyên tắc bảo vệ môi trường nào dưới đây?

a) Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi cơ quan, tổ chức hộ gia đình và cá nhân.

b) Bảo vệ môi trường gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế, an ninh xã hội, bảo đảm quyền trẻ em, thúc đẩy giới và phát triển, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu để bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành.

c) Bảo vệ môi trường không dựa trên cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên, giảm thiểu chất thải.

d) Bảo vệ môi trường quốc gia gắn liền với bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu; bảo vệ môi trường bảo đảm không phương hại chủ quyền, an ninh quốc gia.

Câu 19. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 không quy định nguyên tắc bảo vệ môi trường nào dưới đây?

a) Bảo vệ môi trường phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

b) Hoạt động bảo vệ môi trường không được tiến hành thường xuyên và ưu tiên phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường.

c) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng thành phần môi trường, được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho bảo vệ môi trường.

d) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải khắc phục, bồi thường thiệt hại và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Câu 20. Tìm ra phương án sai nào dưới đây trong các nguyên tắc bảo vệ môi trường quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2014?

a) Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân.

b) Hoạt động bảo vệ môi trường phải được tiến hành thường xuyên và ưu tiên phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường.

c) Bảo vệ môi trường phải dựa trên cơ sở sử dụng nhiều tài nguyên, giảm thiểu chất thải.

d) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải khắc phục, bồi thường thiệt hại và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Câu 21. Để góp phần vào việc bảo vệ tốt môi trường, một trong những điều cần thiết phải làm là?

a) Tăng cường chặt, đốn cây rừng và săn bắt thú rừng.

b) Tận dụng khai thác tối đa tài nguyên khoáng sản.

c) Sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

d) Sử dụng nhiều thuốc trừ sâu trên đồng ruộng.

Câu 22. Nhà nước không quy định chính sách bảo vệ môi trường nào sau đây?

a) Tuyên truyền, giáo dục kết hợp với biện pháp hành chính, kinh tế và biện pháp khác để xây dựng kỷ cương và văn hóa bảo vệ môi trường.

b) Bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; đẩy mạnh tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu chất thải.

c) Ưu tiên xử lý vấn đề môi trường bức xúc, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, ô nhiễm môi trường nguồn nước; chú trọng bảo vệ môi trường khu dân cư; phát triển hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường.

d) Không tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường; kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Câu 23. Nhà nước có những chính sách nào sau đây đề bảo vệ môi trường?

a) Ưu đãi, hỗ trợ về tài chính, đất đai cho hoạt động bảo vệ môi trường, cơ sở sản xuất, kinh doanh thân thiện với môi trường.

b) Gắn kết các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên với ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh môi trường.

c) Nhà nước ghi nhận, tôn vinh cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động bảo vệ môi trường.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 24. Những hoạt động bảo vệ môi trường nào dưới đây được khuyến khích?

a) Truyền thông, giáo dục và vận động mọi người tham gia bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học.

b) Giảm thiểu, thu gom, tái sử dụng và tái chế chất thải.

c) Hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; giảm thiểu phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, phá hủy tầng ô-dôn.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 25. Những hoạt động bảo vệ môi trường nào dưới đây không được khuyến khích?

a) Đăng ký cơ sở, sản phẩm thân thiện với môi trường; sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng sản phẩm thân thiện với môi trường.

b) Không bảo tồn và phát triển nguồn gen bản địa; lai tạo, nhập nội các nguồn gen có giá trị kinh tế và có lợi cho môi trường.

c) Phát triển các hình thức tự quản và tổ chức hoạt động dịch vụ giữ gìn vệ sinh môi trường của cộng đồng dân cư.

d) Hình thành nếp sống, thói quen giữ gìn vệ sinh môi trường, xóa bỏ hủ tục gây hại đến môi trường.

Câu 26. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 quy định hành vi bị nghiêm cấm nào sau đây?

a) Khai thác nguồn tài nguyên sinh vật bằng phương tiện, công cụ, phương pháp hủy diệt, không đúng thời vụ và sản lượng theo quy định của pháp luật.

b) Thải khói, bụi, khí có chất hoặc mùi độc hại vào không khí; phát tán bức xạ, phóng xạ, các chất ion hóa vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

c) Phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 27. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 quy định hành vi bị nghiêm cấm nào sau đây?

a) Thải chất thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; các chất độc, chất phóng xạ và chất nguy hại khác vào đất, nguồn nước và không khí.

b) Khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên theo quy định pháp luật.

c) Giảm thiểu, thu gom, tái sử dụng và tái chế chất thải.

d) Xây dựng thôn, làng, khu dân cư thân thiện với môi trường.

Câu 28. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, dự án nào dưới dây thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường?

a) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Dự án có sử dụng đất của khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, khu di tích lịch sử - văn hóa, khu di sản thế giới, khu dự trữ sinh quyển, khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng.

c) Dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 29. Việc thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường phải thực hiện trong giai đoạn nào của dự án?

a) Giai đoạn chuẩn bị.

b) Giai đoạn triển khai xây dựng.

c) Giai đoạn vận hành thử nghiệm.

d) Giai đoạn vận hành thương mại.

Câu 30. Các trường hợp nào dưới đây chủ dự án phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường?

a) Không triển khai dự án trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

b) Thay đổi địa điểm thực hiện dự án so với phương án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

c) Tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 31. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 đã có những quy định nào dưới đây để quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn và phát triển năng lượng tái tạo?

a) Ưu tiên xây dựng, thực hiện chính sách, kế hoạch quản lý, giảm thiểu, loại bỏ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.

b) Cấm sản xuất, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất và tiêu thụ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

c) Khuyến khích sản xuất, nhập khẩu, sử dụng máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông dùng năng lượng tái tạo.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 32. Năng lượng tái tạo là năng lượng được khai thác từ nguồn nào dưới đây?

a) Nước, gió, ánh sáng mặt trời, địa nhiệt.

b) Sóng biển, nhiên liệu sinh học.

c) Các nguồn tài nguyên năng lượng có khả năng tái tạo.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 33. Việc tham gia sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường là trách nhiệm của ai dưới đây?

a) Chỉ là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức.

b) Chỉ là trách nhiệm của hộ gia đình.

c) Chỉ là trách nhiệm của cá nhân.

d) Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

Câu 34. Câu nói nào sau đây là đúng?

a) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước có trách

nhiệm ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường được chứng nhận nhãn sinh thái theo quy định của pháp luật.

b) Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải và thu hồi năng lượng từ chất thải.

c) Nhà nước có chính sách khuyến khích giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải và thu hồi năng lượng từ chất thải.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 35. Để ứng phó với biến đổi khí hậu, cộng đồng có quyền và trách nhiệm nào dưới đây?

a) Tham gia các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Được cung cấp và yêu cầu cung cấp thông tin về biến đổi khí hậu, trừ thông tin danh mục bí mật nhà nước.

c) Cơ quan quản lý về biến đổi khí hậu có trách nhiệm cung cấp thông tin, tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng và tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng tham gia các hoạt động ứng phó và biến đổi hậu.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 36. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 đã đưa ra những quy định nào dưới đây để bảo vệ môi trường biển và hải đảo?

a) Nguồn phát thải từ đất liền, hải đảo và các hoạt động trên biển phải được kiểm soát, ngăn ngừa, giảm thiểu và xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Việc phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên biển và hải đảo phải có sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức cứu hộ, cứu nạn và tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

c) Tổ chức, cá nhân hoạt động trên biển và hải đảo phải chủ động ứng phó sự cố môi trường và có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan khác trong ứng phó sự cố môi trường trên biển và hải đảo.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 37. Để kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường biển và hải đảo, không cần thực hiện quy định nào dưới đây?

a) Chất thải từ đất liền ra biển, phát sinh trên biển và hải đảo phải được thống kê, phân loại, đánh giá và có giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

b) Dầu, mỡ, dung dịch khoan, nước dằn tàu, hóa chất và các chất độc hại khác được sử dụng trong các hoạt động trên biển và hải đảo sau khi sử dụng phải được thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo quy định về quản lý chất thải.

c) Việc nhận chìm, đổ thải ở biển và hải đảo phải căn cứ vào đặc điểm, tính chất của loại chất thải và phải được phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

d) Kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường biển và hải đảo không phải tuân thủ các điều ước quốc tế về biển và hải đảo mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Câu 38. Để bảo vệ môi trường nước sông, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 đã không quy định nội dung nào dưới đây?

a) Nguồn thải vào lưu vực sông phải được quản lý phù hợp với sức chịu tải của sông.

b) Chất lượng nước sông, trầm tích không cần theo dõi, đánh giá.

c) Bảo vệ môi trường lưu vực sông phải gắn liền với bảo tồn đa dạng sinh học, khai thác và sử dụng nguồn nước sông.

d) Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có trách nhiệm giảm thiểu và xử lý chất thải trước khi xả thải vào lưu vực sông theo quy định của pháp luật.

Câu 39. Để bảo vệ môi trường nguồn nước hồ, ao, kênh, mương, rạch, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 đã đưa ra những quy định nào dưới đây?

a) Nguồn nước hồ, ao, kênh, mương, rạch phải không được điều tra, đánh giá trữ lượng, chất lượng và bảo vệ để điều hòa nguồn nước.

b) Hồ, ao, kênh, mương, rạch trong đô thị, khu dân cư không được quy hoạch để cải tạo, bảo vệ.

c) Tổ chức, cá nhân không được lấn chiếm, xây dựng trái phép công trình, nhà ở trên mặt nước hoặc trên bờ tiếp giáp mặt nước hồ, ao, kênh, mương, rạch; hạn chế tối đa việc san lấp hồ, ao trong đô thị, khu dân cư.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 40. Để bảo vệ môi trường nước dưới đất, không thực hiện biện pháp nào sau đây?

a) Chỉ được sử dụng các loại hóa chất trong danh mục cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thăm dò, khai thác nước dưới đất.

b) Không có biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm nguồn nước dưới đất qua giếng khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất.

c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có sử dụng hóa chất độc hại, chất phóng xạ phải có biện pháp bảo đảm không để rò rỉ, phát tán hóa chất độc hại và chất thải phóng xạ vào nguồn nước dưới đất.

d) Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm nước dưới đất phải có trách nhiệm xử lý ô nhiễm nước dưới đất.

Câu 41. Để bảo vệ môi trường đất, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 đã đưa ra những quy định nào dưới đây?

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao quyền sử dụng đất có trách nhiệm bảo vệ môi trường đất.

b) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm môi trường đất có trách nhiệm xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất.

c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thực hiện biện pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại cơ sở.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 42. Để bảo vệ môi trường không khí, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 đã có những quy định nào dưới đây?

a) Tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát thải khí tác động xấu đến môi trường có trách nhiệm giảm thiểu và xử lý bảo đảm chất lượng môi trường không khí theo quy định của pháp luật.

b) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguồn phát thải khí công nghiệp lớn phải đăng ký nguồn gây ô nhiễm, đo đạc, thống kê, kiểm kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về lưu lượng, tính chất, đặc điểm khí thải.

c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguồn phát thải khí công nghiệp lưu lượng lớn phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép xả thải.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 43. Để bảo vệ môi trường, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không phải đáp ứng yêu cầu nào dưới đây ?

a) Thu gom, xử lý nước thải không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

b) Thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý, thải bỏ chất thải rắn theo quy định của pháp luật.

c) Giảm thiểu, thu gom, xử lý bụi, khí thải theo quy định của pháp luật; bảo đảm không để rò rỉ, phát tán khí độc hại ra môi trường; hạn chế tiếng ồn, độ rung, phát sáng, phát nhiệt gây ảnh hưởng xấu đối với môi trường xung quanh và người lao động.

d) Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

Câu 44. Cơ sở sản xuất hoặc kho tàng thuộc các trường hợp nào dưới đây phải có khoảng cách bảo đảm không có tác động xấu đối với khu dân cư?

a) Chỉ có chất dễ cháy, dễ nổ; chất phóng xạ hoặc bức xạ mạnh.

b) Chỉ có chất phóng xạ hoặc bức xạ mạnh.

c) Có chất dễ cháy, dễ nổ; có chất phóng xạ hoặc bức xạ mạnh; có chất độc hại đối với người và sinh vật; phát tán bụi, mùi, tiếng ồn ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người; gây ô nhiễm nguồn nước.

d) Chỉ có chất độc hại đối với người và sinh vật.

Câu 45. Trong sản xuất nông nghiệp người sản xuất phải thực hiện bảo vệ môi trường trong trường hợp nào dưới đây?

a) Phân bón, sản phẩm xử lý môi trường chăn nuôi đã hết hạn sử dụng; dụng cụ, bao bì đựng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y sau khi sử dụng phải được xử lý theo quy định về quản lý chất thải.

b) Sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y phải thực hiện quy định về bảo vệ môi trường.

c) Xác vật nuôi bị chết do dịch bệnh phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh phòng bệnh.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 46. Khu chăn nuôi tập trung phải có phương án bảo vệ môi trường và đáp ứng yêu cầu nào dưới đây?

a) Bảo đảm vệ sinh môi trường đối với khu dân cư; Thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn theo quy định về quản lý chất thải.

b) Chuồng, trại phải được vệ sinh định kỳ; bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh.

c) Xác vật nuôi bị chết do dịch bệnh phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh phòng bệnh.

d) Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 47. Để bảo vệ môi trường làng nghề, làng nghề phải đáp ứng điều kiện nào sau đây?

a) Chỉ cần có phương án bảo vệ môi trường làng nghề; có tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường.

b) Chỉ cần có kết cấu hạ tầng bảo đảm thu gọm, phân loại, lưu giữ, xử lý, thải bỏ chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

c) Chỉ cần có tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường.

d) Có phương án bảo vệ môi trường làng nghề; có kết cấu hạ tầng bảo đảm thu gọm, phân loại, lưu giữ, xử lý, thải bỏ chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường.

Câu 48. Để bảo vệ môi trường làng nghề, cơ sở sản xuất làng nghề không có trách nhiệm nào sau đây?

a) Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường

chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc báo cáo về các biện pháp bảo vệ môi trường.

b) Không phải đóng góp đầy đủ các loại phí bảo vệ môi trường và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật cho hoạt động bảo vệ môi trường của làng nghề.

c) Xây dựng và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bụi, nhiệt, khí thải, nước thải và xử lý ô nhiễm tại chỗ; thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý chất thải rắn theo quy định của pháp luật.

Câu 49. Cá nhân đến khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú và lễ hội phải tuân thủ các quy định nào sau đây để bảo vệ môi trường?

a) Bỏ chất thải đúng nơi quy định.

b) Giữ gìn vệ sinh công cộng.

c) Không xâm hại cảnh quan di tích, cá loài sinh vật tại khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, nơi cư trú.

d). Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 50. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 đã không ban hành quy định nào sau đây để yêu cầu cầu về bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư?

a) Bảo vệ môi trường đô thị thực hiện theo nguyên tắc phát triển bền vững gắn với việc duy trì các yếu tố tự nhiên, văn hóa, lịch sử và bảo đảm tỷ lệ không gian xanh theo quy hoạch.

b) Có thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, tập trung chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, chủng loại chất thải và đủ khả năng tiếp nhận chất thải đã được phân loại tại nguồn từ các hộ gia đình trong khu dân cư.

c) Bảo đảm yêu cầu về cảnh quan đô thị, vệ sinh môi trường; không cần lắp đặt và bố trí công trình vệ sinh nơi công cộng.

d) Đối với khu dân cư phân tán phải có địa điểm, hệ thống thu gom, xử lý rác thải; có hệ thống cung cấp nước sạch và các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp và an toàn.

Câu 51. Trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường được quy định như thế nào?

a) Có phương án cải tạo, phục hồi môi trường khi tiến hành các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

b) Trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân cùng gây ô nhiễm môi trường mà không tự thỏa thuận được về trách nhiệm thì cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan làm rõ trách nhiệm của từng đối tượng trong việc khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường.

c) Tiến hành biện pháp khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường khi gây ô nhiễm môi trường.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 52. Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, phương tiện vận tải có nguy cơ gây ra sự cố môi trường phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa nào sau đây?

a) Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; Lắp đặt thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường.

b) Đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó sự cố môi trường; Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng biện pháp an toàn theo quy định của pháp luật.

c) Có biện pháp loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố môi trường khi phát hiện có dấu hiệu sự cố môi trường.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 53. Tổ chức, cá nhân gây ra sự cố môi trường có trách nhiệm nào sau đây?

a) Thực hiện yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình điều tra, xác định phạm vi, giới hạn, mức độ, nguyên nhân, biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường; Tiến hành ngay biện pháp ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của nhân dân trong vùng.

b) Thực hiện biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; Bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật có liên quan.

c) Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 54. Thành phần môi trường và chất phát thải cần được quan trắc môi trường gồm?

a) Môi trường nước gồm nước mặt lục địa, nước dưới đất, nước biển.

b) Môi trường không khí gồm không khí trong nhà, không khí ngoài trời.

c) Tiếng ồn, độ rung, bức xạ, ánh sáng; Môi trường đất, trầm tích; Phóng xạ; Nước thải, khí thải, chất thải rắn; Hóa chất nguy hại phát thải và tích tụ trong môi trường; Đa dạng sinh học.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 55. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, hệ thống quan trắc môi trường gồm?

a) Quan trắc môi trường quốc gia, môi trường cấp tỉnh, môi trường tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

b) Chỉ quan trắc môi trường cấp tỉnh.

c) Chỉ quan trắc môi trường tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 56. Cộng đồng dân cư có quyền và nghĩa vụ như thế nào để bảo vệ môi trường?

a) Đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn chịu tác động môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có quyền yêu cầu chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cung cấp thông tin về bảo vệ môi trường thông qua đối thoại trực tiếp hoặc bằng văn bản; tổ chức tìm hiểu thực tế về công tác bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; thu thập, cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp.

b) Đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn chịu tác động môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có liên quan cung cấp kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với cơ sở.

c) Đại diện cộng đồng dân cư có quyền tham gia đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; thực hiện các biện pháp để bảo vệ quyền và lợi ích của công đồng dân cư theo quy định của pháp luật.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 57. Quỹ bảo vệ môi trường là?

a) Tổ chức tài chính được thành lập ở trung ương, ngành, lĩnh vực, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường.

b) Tổ chức tài chính được thành lập ở trung ương để hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường.

c) Tổ chức kinh tế được thành lập ở trung ương, ngành, lĩnh vực, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường.

d) Tổ chức tài chính được thành lập ở trung ương, ngành, lĩnh vực, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để bảo vệ môi trường.

Câu 58. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 không đưa ra những quy định nào sau đây về phí bảo vệ môi trường?

a) Tổ chức, cá nhân xả thải ra môi trường hoặc làm phát sinh tác động xấu đối với môi trường phải nộp phí bảo vệ môi trường.

b) Mức phí bảo vệ môi trường được quy định trên cơ sở sau: Khối lượng chất thải ra môi trường, quy mô ảnh hưởng tác động xấu đối với môi trường; Mức độ độc hại của chất thải, mức độ gây hại đối với môi trường; Sức chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

c) Mức phí bảo vệ môi trường không được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn.

d) Nguồn thu từ phí bảo vệ môi trường được sử dụng cho hoạt động bảo vệ môi trường.

Câu 59. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 không đưa ra quy định nào sau đây để truyền thông, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường?

a) Phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường không được thực hiện thường xuyên và rộng rãi.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong bảo vệ môi trường được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

c) Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan thông tin, truyền thông, báo chí có trách nhiệm truyền thông về pháp luật bảo vệ môi trường.

d) Bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan thông tin, truyền thông, báo chí có trách nhiệm truyền thông về bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực quản lý.

Câu 60. Cơ quan/đơn vị nào sau đây chủ trì quy định chi tiết chương trình giáo dục về môi trường và đào tạo nguồn nhân lực bảo vệ môi trường?

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Văn phòng Chính phủ.

d) Thủ tường Chính phủ.

Câu 61. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 không đưa ra quy định nào dưới đây để xử lý vi phạm và tố cáo về môi trường?

a) Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, gây thiệt hại cho tổ chức và cá nhân khác, có trách nhiệm khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường, bồi thường thiệt hại và xử lý theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây phiền hà, những nhiễu cho tổ chức, cá nhân, bao che cho người vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc thiếu trách nhiệm để xảy ra ô nhiễm, sự cố môi trường thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

c) Cá nhân không có quyền tố cáo vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường với cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố cáo.

d) Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, khởi kiện về hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Câu 62. Cơ quan nào sau đây có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường?

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường; UBND cấp tỉnh.

b) UBND cấp tỉnh; UBND cấp xã.

c) UBND cấp huyện.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 63. Kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường trong thời hạn bao nhiêu ngày làm việc?

a) 7 ngày.

b) 8 ngày.

c) 9 ngày.

d) 10 ngày.

Câu 64. Chỉ số VN_AQI là ký hiệu của chỉ số nào dưới đây?

a) Chỉ số chất lượng không khí Việt Nam.

b) Chỉ số chất lượng nước mặt Việt Nam.

c) Chỉ số ô nhiễm nước mặt Việt Nam.

d) Chỉ số ô nhiễm không khí Việt Nam.

Câu 65. Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc chọn Ngày Môi trường Thế giới là ngày nào sau đây?

a) Ngày 5/6 hàng năm.

b) Ngày 5/5 hàng năm.

c) Ngày 6/5 hàng năm.

d) Ngày 6/6 hàng năm.

Câu 66. Sự kiện tắt đèn hưởng ứng Giờ Trái đất diễn ra vào thời gian

nào sau đây?

a) Từ 20h00 đến 21h00 ngày thứ bảy cuối cùng của tháng 3 hàng năm.

b) Từ 20h30 đến 21h30 ngày thứ bảy cuối cùng của tháng 3 hàng năm.

c) Từ 20h00 đến 21h00 ngày thứ sáu cuối cùng của tháng 3 hàng năm.

d) Từ 20h30 đến 21h30 ngày chủ nhật cuối cùng của tháng 3 hàng năm.

Câu 67. Việc lập kế hoạch phòng, chống ô nhiễm môi trường nước và phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm trên lưu vực sông cấp tỉnh được lập theo kỳ hạn nào sau đây?

a) Mười (10) năm một lần.

b) Năm (5) năm một lần.

c) Ba (3) năm một lần.

d) Một (1) năm một lần.

Câu 68. Đối tượng nào sau đây phải thực hiện thủ tục lập hồ sơ đăng ký để được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại ?

a) Cơ sở dầu khí ngoài biển.

b) Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại có thời gian hoạt động không quá 1 năm.

c) Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại thường xuyên hay định kỳ hàng năm với tổng số lượng không quá 600 (sáu trăm) kg/năm, trừ trường hợp chất thải nguy hại thuộc danh mục các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP).

d) Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại có thời gian hoạt động lớn hơn 1 năm và tổng số lượng phát sinh lớn hơn 600 (sáu trăm) kg/năm.

Câu 69. Yêu cầu về thời hạn lưu trữ tất cả các liên chứng từ chất thải nguy hại đã sử dụng, báo cáo quản lý chất thải nguy hại và các hồ sơ, tài liệu liên quan đối với chủ nguồn chất thải nguy hại là bao lâu?

a) 1 năm.

b) 3 năm.

c) 5 năm.

d) Không cần lưu trữ.

Câu 70. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành bao nhiêu quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng riêng cho địa bàn thành phố Hà Nội?

a) 3

b) 4

c) 5

d) 6

Câu 71. Ai có trách nhiệm phải thu hồi, xử lý các sản phẩm điện tử sau khi được thải bỏ (các sản phẩm đã hết hạn sử dụng hoặc sản phẩm được thải bỏ sau khi sử dụng)?

a) Người tiêu dùng (người dân, tổ chức, cá nhân, văn phòng cơ quan hành chính nhà nước, trường học).

b) Nhà sản xuất (cơ sở sản xuất trực tiếp sản phẩm trong nội địa Việt Nam, cơ sở nhập khẩu chính thức hoặc phân phối cấp 1 sản phẩm sản xuất ở nước ngoài).

c) Đơn vị thu gom, xử lý các chất thải điện tử.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 72. Nhà sản xuất có quyền lợi gì khi thực hiện thu hồi các sản phẩm thải bỏ?

a) Được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

b) Được thu hồi các sản phẩm thải bỏ khác nhãn hiệu nhưng cùng loại.

c) Được ủy quyền cho hiệp hội các nhà sản xuất mà mình là thành viên để đại diện thu hồi, xử lý các sản phẩm thải bỏ của mình.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 73. Các đơn vị sau, đơn vị nào phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp?

a) Khách sạn, nhà hàng

b) Cơ sở y tế: Bệnh viện, phòng khám, trung tâm y tế,…

c) Cơ quan hành chính nhà nước

d) Các cơ sở sản xuất, chế biến

Câu 74. Năm 2020, cơ sở sản xuất chế biến có tổng lượng nước thải công nghiệp dưới 20 m3/ngày (24 giờ) phải nộp số tiền phí là?

a) 1.500.000 đồng/năm.

b) 2.000.000 đồng/năm.

c) 2.500.000 đồng/năm.

d) 3.000.000 đồng/năm.

Câu 75. Kể từ 01/01/2021 trở đi, cơ sở sản xuất chế biến có tổng lượng nước thải công nghiệp 5m3/ngày đến dưới 10m3/ngày đêm phải nộp số tiền phí là?

a) 1.000.000 đồng/năm.

b) 2.000.000 đồng/năm.

c) 3.000.000 đồng/năm.

d) 4.000.000 đồng/năm.

Câu 76. Kể từ 01/01/2021 trở đi, cơ sở sản xuất chế biến có tổng lượng nước thải công nghiệp từ 10m3/ngày đến dưới 20m3/ngày đêm phải nộp số tiền phí là?

a) 3.500.000 đồng/năm.

b) 4.000.000 đồng/năm.

c) 4.500.000 đồng/năm.

d) 5.000.000 đồng/năm.

Câu 77. Phương án bảo vệ môi trường làng nghề do cơ quan nào phê duyệt?

a) Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường.

Câu 78. Theo Luật Lâm nghiệp, khái niệm nào sau đây là đúng?

a) *Lâm nghiệp* là ngành kinh tế - kỹ thuật bao gồm quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng; chế biến và thương mại lâm sản.

b) *Rừng* là một hệ sinh thái bao gồm các loài thực vật rừng, động vật rừng, nấm, vi sinh vật, đất rừng và các yếu tố môi trường khác, trong đó thành phần chính là một hoặc một số loài cây thân gỗ, tre, nứa, cây họ cau có chiều cao được xác định theo hệ thực vật trên núi đất, núi đá, đất ngập nước, đất cát hoặc hệ thực vật đặc trưng khác; diện tích liên vùng từ 0,3 ha trở lên; độ tàn che từ 0,1 trở lên.

d) *Quản lý rừng bền vững* là phương thức quản trị rừng bảo đảm đạt được các mục tiêu bảo vệ và phát triển rừng, không làm suy giảm các giá trị và nâng cao giá trị rừng, cải thiện sinh kế, bảo vệ môi trường, góp phần giữ vững quốc phòng, an ninh.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 79. Theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp thì "Phát triển rừng" được hiểu theo nghĩa là dưới đây?

a) Phát triển rừng là hoạt động trồng mới rừng, trồng lại rừng sau khai thác, bị thiệt hại do thiên tai hoặc do các nguyên nhân khác; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh phục hồi rừng, cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt và việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh khác để tăng diện tích, trữ lượng, chất lượng rừng.

b) Phát triển rừng là hoạt động trồng mới rừng, trồng lại rừng sau khai

thác, bị thiệt hại do thiên tai hoặc do các nguyên nhân khác.

c) Phát triển rừng là hoạt động khoanh nuôi xúc tiến tái sinh phục hồi rừng, cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt và việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh khác để tăng diện tích, trữ lượng, chất lượng rừng.

d) Phát triển rừng là hoạt động cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt và việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh khác để tăng diện tích, trữ lượng, chất lượng rừng.

Câu 80. Theo Luật Lâm nghiệp, căn cứ vào mục đích sử dụng chủ yếu, rừng tự nhiên và rừng trồng được phân thành các loại nào sau đây?

a) Rừng đặc dụng; Rừng phòng hộ; Rừng sản xuất.

b) Rừng đặc dụng; Rừng phòng hộ.

c) Rừng phòng hộ; Rừng sản xuất.

d) Rừng tự nhiên, Rừng đặc dụng; Rừng phòng hộ; Rừng sản xuất.

Câu 81. Câu nói nào sau đây là đúng?

a) Rừng đặc dụng được sử dụng chủ yếu để bảo tồn hệ sinh thái rừng tự nhiên, nguồn gen sinh vật rừng, nghiên cứu khoa học, bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, tín ngưỡng, danh lam thắng cảnh kết hợp du lịch sinh thái; nghỉ dưỡng, giải trí trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng; cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

b) Rừng phòng hộ được sử dụng chủ yếu để bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, sạt lở, lũ quét, lũ ống, chống sa mạc hóa, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, góp phần bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh, kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

c) Rừng sản xuất được sử dụng chủ yếu để cung cấp lâm sản; sản xuất, kinh doanh lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 82. Hoạt động lâm nghiệp không thực hiện theo nguyên tắc nào sau đây?

a) Rừng được quản lý bền vững về diện tích và chất lượng, bảo đảm hài hòa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, giá trị dịch vụ môi trường rừng và ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Xã hội hóa hoạt động lâm nghiệp; bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước với lợi ích của chủ rừng, tổ chức, cá nhân hoạt động lâm nghiệp.

c) Không bảo đảm tổ chức liên kết theo chuỗi từ bảo vệ rừng, phát triển rừng, sử dụng rừng đến chế biến và thương mại lâm sản để nâng cao giá trị

rừng.

d) Bảo đảm công khai, minh bạch, sự tham gia của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư liên quan trong hoạt động lâm nghiệp.

Câu 83. Theo Luật Lâm nghiệp, hành vi nào sau đây không bị nghiêm cấm?

a) Chặt, phá, khai thác, lấn, chiếm rừng trái quy định của pháp luật.

b) Không đưa chất thải, hóa chất độc, chất nổ, chất cháy, chất dễ cháy, công cụ, phương tiện vào rừng trái quy định của pháp luật; chăn, dắt, thả gia súc, vật nuôi vào phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng, rừng mới trồng.

c) Săn, bắt, nuôi, nhốt, giết, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán động vật rừng, thu thập mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng trái quy định của pháp luật.

d) Hủy hoại tài nguyên rừng, hệ sinh thái rừng, công trình bảo vệ và phát triển rừng.

Câu 84. Theo Luật Lâm nghiệp, các hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm?

a) Vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng; quản lý các loài ngoại lai xâm hại; dịch vụ môi trường rừng.

b) Khai thác tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên khoáng sản, môi trường rừng trái quy định của pháp luật; xây dựng, đào, bới, đắp đập, ngăn dòng chảy tự nhiên và các hoạt động khác trái quy định của pháp luật làm thay đổi cấu trúc cảnh quan tự nhiên của hệ sinh thái rừng.

c) Sử dụng nguyên liệu trong chế biến lâm sản trái quy định của pháp luật.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 85. Nhà nước thu hồi rừng trong các trường hợp nào sau đây?

a) Chủ rừng sử dụng rừng đúng mục đích, cố ý không thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

b) Chủ rừng tiến hành hoạt động bảo vệ và phát triển rừng sau 12 tháng liên tục kể từ ngày được giao, được thuê rừng, trừ trường hợp bất khả kháng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận.

c) Rừng được Nhà nước giao, cho thuê khi hết hạn mà không được gia hạn.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 86. Theo Luật Lâm nghiệp, quy định nào sau đây là sai?

a) Đóng cửa rừng tự nhiên được thực hiện trong trường hợp tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái quy định của pháp luật diễn biến phức tạp, có nguy cơ làm suy giảm nghiêm trọng tài nguyên rừng hoặc rừng tự nhiên nghèo cần được phục hồi; đa dạng sinh học và chức năng phòng hộ của rừng bị suy thoái nghiêm trọng.

b) Thủ tướng Chính phủ quyết định đóng, mở cửa rừng tự nhiên trên phạm vi cả nước hoặc trên phạm vi nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đóng, mở cửa rừng tự nhiên đối với diện tích rừng tự nhiên tại địa phương sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua đề án đóng, mở cửa rừng tự nhiên.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đóng, mở cửa rừng tự nhiên đối với diện tích rừng tự nhiên tại địa phương sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua đề án đóng, mở cửa rừng tự nhiên.

Câu 87. Để bảo vệ hệ sinh thái rừng, cá nhân, tổ chức cần thực hiện các hoạt động nào sau đây?

a) Tiến hành các hoạt động trong rừng đặc dụng: các hoạt động làm thay đổi cảnh quan tự nhiên của khu rừng; khai thác trái phép tài nguyên sinh vật và các tài nguyên thiên nhiên khác; gây ô nhiễm môi trường; mang hóa chất độc hại, chất nổ, chất dễ cháy trái quy định của pháp luật vào rừng; chăn thả gia súc, gia cầm, vật nuôi trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng.

b) Tiến hành các hoạt động trong rừng phòng hộ: các hoạt động làm thay đổi cảnh quan tự nhiên của khu rừng; khai thác trái phép tài nguyên sinh vật và các tài nguyên thiên nhiên khác; gây ô nhiễm môi trường; mang hóa chất độc hại, chất nổ, chất dễ cháy trái quy định của pháp luật vào rừng; chăn thả gia súc, gia cầm, vật nuôi trên diện tích mới trồng rừng, đang trong thời kỳ chăm sóc.

c) Đối với rừng sản xuất khi tiến hành các hoạt động làm ảnh hưởng trực tiếp đến hệ sinh thái rừng, phải thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và được thực hiện các hoạt động không cần cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

d) Cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hoạt động ảnh hưởng trực tiếp đến hệ sinh thái rừng, sinh trưởng và phát triển của các loài sinh vật rừng phải tuân thủ quy định của Luật Lâm nghiệp, pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, thú y và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Câu 88. Cần thực hiện các biện pháp nào sau đây để phòng cháy, chữa cháy rừng?

a) Chủ rừng không phải lập và thực hiện phương án phòng cháy và chữa cháy rừng; chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm

quyền.

b) Mọi trường hợp sử dụng lửa trong rừng, gần rừng để dọn nương rẫy, dọn đồng ruộng, chuẩn bị đất trồng rừng, đốt trước mùa khô hanh hoặc dùng lửa vì mục đích khác, người sử dụng lửa không phải thực hiện các biện pháp phòng cháy và chữa cháy rừng.

c) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tiến hành hoạt động trong rừng, xây dựng công trình ở trong rừng, ven rừng phải chấp hành quy định về phòng cháy và chữa cháy; không thực hiện biện pháp phòng cháy và chữa cháy rừng của chủ rừng.

d) Khi xảy ra cháy rừng, chủ rừng phải kịp thời chữa cháy rừng, thông báo ngay cho cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; khắc phục hậu quả sau cháy rừng và báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp chữa cháy rừng kịp thời.

Câu 89. Để bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng thuộc rừng đặc dụng cần không thực hiện các quy định nào sau đây?

a) Việc bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng thực hiện theo quy định của Luật Lâm nghiệp; quy định của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

b) Tất cả các loài động vật rừng trong khu rừng đặc dụng phải được bảo vệ, không thực hiện các hoạt động ảnh hưởng tiêu cực đến sinh cảnh sống tự nhiên và nguồn thức ăn của động vật rừng.

c) Được thả những loài động vật bản địa khỏe mạnh, không có bệnh và đã có phân bố trong khu rừng đặc dụng; số lượng động vật của từng loài thả vào rừng phải phù hợp với vùng sống, nguồn thức ăn của chúng và bảo đảm cân bằng sinh thái của khu rừng.

d) Thả và nuôi, trồng các loài động vật, thực vật không có phân bố tự nhiên tại khu rừng đặc dụng.

Câu 90. Để bảo vệ rừng phòng hộ, không được thực hiện biện pháp nào sau đây ?

a) Việc bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng thực hiện theo quy định của Luật Lâm nghiệp; quy định của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

b) Không thực hiện các quy định về phòng, trừ sinh vật gây hại rừng phòng hộ.

c) Tất cả các loài động vật rừng trong khu rừng phòng hộ phải được bảo vệ, không thực hiện các hoạt động ảnh hưởng tiêu cực đến sinh cảnh sống tự nhiên và nguồn thức ăn của động vật rừng.

d) Thực hiện các quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng.

Câu 91. Để bảo vệ rừng sản xuất, không được thực hiện biện pháp nào sau đây ?

a) Tất cả các loài động vật rừng trong khu rừng sản xuất không được bảo vệ, bảo đảm sinh cảnh sống tự nhiên và nguồn thức ăn của động vật rừng.

b) Thực hiện các quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng.

c) Thực hiện các quy định về phòng, trừ sinh vật gây hại rừng sản xuất theo quy định của Luật Lâm nghiệp, pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, thú y.

d) Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 92. Cần thực hiện các quy định nào dưới đây để bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm?

a) Hoạt động săn, bắn, bắt, khai thác, nuôi, nhốt, giết, tàng trữ, chế biến, vận chuyển, buôn bán các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm không được ảnh hưởng tiêu cực đến sự tồn tại, sinh trưởng, phát triển của loài đó trong tự nhiên.

b) Mọi hoạt động săn, bắn, bắt, khai thác, nuôi, nhốt, giết, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán, chế biến, quảng cáo, trưng bày, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm phải được quản lý, đảm bảo nguồn gốc hợp pháp.

c) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, xây dựng công trình, điều tra, thăm dò, nghiên cứu, tham quan, du lịch và các hoạt động khác trong các diện tích rừng có thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 93. Tổ chức, cá nhân nuôi động vật rừng thông thường phải đảm bảo các điều kiện nào sau đây?

a) Đảm bảo nguồn gốc động vật rừng nuôi hợp pháp theo quy định của pháp luật.

b) Đảm bảo an toàn cho con người; thực hiện các quy định của pháp luật về môi trường, thú y.

c) Thực hiện việc ghi chép sổ theo dõi vật nuôi quy định; trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc, kể từ ngày đưa động vật rừng thông thường về cơ sở nuôi, tổ chức, cá nhân phải gửi thông báo cho cơ quan Kiểm lâm sở tại để theo dõi, quản lý theo quy định của pháp luật.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 94. Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 23/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách quản lý động vật hoang dã đã ban hành

những quy định nào dưới đây?

a) Dừng nhập khẩu động vật hoang dã còn sống hay đã chết, trứng, ấu trùng, bộ phận, dẫn xuất của các loài động vật hoang dã (trừ các loài thủy sản phục vụ sản xuất, chế biến làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi đã được công bố theo quy định của pháp luật; bộ phận của động vật hoang dã đã được chế biến, xử lý làm dược liệu, làm nguyên liệu phục vụ sản xuất hoặc sản phẩm hoàn chỉnh) đến khi có chỉ đạo mới của Thủ tướng Chính phủ hoặc trường hợp đặc biệt được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

b) Kiên quyết loại bỏ các khu vực chợ, tụ điểm mua bán động vật hoang dã trái pháp luật. Kiểm soát chặt chẽ và xử lý nghiêm các hành vi săn, bắt, mua, bán, vận chuyển, giết mổ, tiêu thụ, tàng trữ, quảng cáo, xâm hại động vật hoang dã trái pháp luật, nhất là động vật hoang dã thuộc lớp thú, chim, bò sát trong môi trường tự nhiên.

c) Mọi công dân, đặc biệt là cán bộ, công chức, viên chức và người thân không tham gia săn, bắt, mua, bán, vận chuyển, giết mổ, tiêu thụ, tàng trữ, quảng cáo động vật hoang dã trái pháp luật.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 95. Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây?

a) Tuần tra, kiểm tra về bảo vệ rừng, đất rừng quy hoạch cho lâm nghiệp.

b) Thực hiện biện pháp phòng cháy và chữa cháy rừng.

c) Thực hiện biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; được sử dụng công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 96. Để bảo vệ rừng, cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có trách nhiệm nào sau đây?

a) Bảo vệ rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, thú y và quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có trách nhiệm thông báo kịp thời cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chủ rừng về cháy rừng, sinh vật gây hại rừng và hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ rừng.

c) Chấp hành sự huy động nhân lực, phương tiện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi xảy ra cháy rừng.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 97. "Phụ phẩm cây trồng" được hiểu theo nghĩa nào sau đây?

a) "Phụ phẩm cây trồng" là sản phẩm phụ phát sinh trong quá trình canh

tác cây trồng.

b) "Phụ phẩm cây trồng" là sản phẩm phụ phát sinh trong quá trình tiến hành hoạt động chăm sóc, thu hoạch, sơ chế sản phẩm cây trồng tại khu vực canh tác cây trồng.

c) "Phụ phẩm cây trồng" là sản phẩm phụ phát sinh tại khu vực canh tác cây trồng.

d) "Phụ phẩm cây trồng" là sản phẩm phụ phát sinh trong quá trình tiến hành hoạt động chăm sóc, thu hoạch, sơ chế sản phẩm cây trồng tại khu vực đất nông nghiệp.

Câu 98. Xử lý phụ phẩm cây trồng được hiểu theo nghĩa nào sau đây?

a) "Xử lý phụ phẩm cây trồng" là việc áp dụng giải pháp công nghệ và kỹ thuật phù hợp làm tăng hiệu quả sử dụng.

b) "Xử lý phụ phẩm cây trồng" là việc áp dụng giải pháp không làm ô nhiễm môi trường, lan truyền sinh vật gây hại.

c) "Xử lý phụ phẩm cây trồng" là việc áp dụng giải pháp công nghệ hoặc biện pháp kỹ thuật phù hợp không lan truyền sinh vật gây hại, không gây ô nhiễm môi trường.

d) "Xử lý phụ phẩm cây trồng" là việc áp dụng giải pháp công nghệ hoặc biện pháp kỹ thuật phù hợp làm tăng hiệu quả sử dụng; không làm ô nhiễm môi trường, lan truyền sinh vật gây hại.

Câu 99. Theo quy định tại Nghị định 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ thì đối với cơ sở bán lẻ, kho thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo điều kiện nào sau đây để buôn bán thuốc bảo vệ thực vật?

a) Cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m.

b) Có kệ kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn.

c) Có kệ kê hàng cách tường tối thiểu 20 cm.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 100. Về thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng thì người sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có trách nhiệm nào sau đây?

a) Sau khi pha chế, phun rải thuốc bảo vệ thực vật phải thu gom bao gói sau sử dụng để vào bể chứa theo quy định; Để riêng bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng với rác thải sinh hoạt và rác vệ sinh đồng ruộng.

b) Không sử dụng bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng vào các mục đích khác.

c) Không tự ý đốt hoặc đem chôn bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 101. Theo quy định tại Nghị định 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2019 của Chính phủ thì địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo điều kiện nào sau đây?

a) Tách biệt với khu dịch vụ ăn uống.

b) Tách biệt trường học, bệnh viện.

c) Cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 102(II). Tổ chức, cá nhân vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ có khối lượng từ bao nhiêu kilogam/chuyến trở lên yêu cầu phải có Giấy phép vận chuyển?

a) Trên 100 kilogam.

b) Trên 500 kilogam.

c) Từ 1.000 kilogam trở lên.

d) Trên 1.500 kilogam.

Câu 103. Cơ quan nào có trách nhiệm quy định địa điểm thu gom, tổ chức, hướng dẫn thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng?

a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Người dân tự quy định địa điểm.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 104. Khi phát hiện sự cố gây rò rỉ, phát tán thuốc bảo vệ thực vật có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe con người, vật nuôi, môi trường sinh thái, Cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật có nghĩa vụ nào sau đây?

a) Cơ sở buôn bán thuốc phải áp dụng ngay biện pháp khắc phục.

b) Cơ sở buôn bán thuốc phải áp dụng ngay biện pháp khắc phục, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố để giám sát và có các biện pháp cảnh báo, phòng ngừa hậu quả xấu.

c) Cơ sở buôn bán báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố để giám sát và có các biện pháp cảnh báo, phòng ngừa hậu quả xấu.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 105. Trường hợp xảy ra sự cố gây rò rỉ, phát tán thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình vận chuyển, người điều khiển phương tiện, chủ hàng, chủ phương tiện có trách nhiệm nào sau đây?

a) Cần áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế hậu quả, khắc phục sự cố.

b) Cần báo cho UBND cấp xã nơi xảy ra sự cố để tiếp tục theo dõi.

c) Phải có các biện pháp cảnh báo, phòng ngừa hậu quả.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 106. Khi xảy ra sự cố hoặc phát hiện thuốc bảo vệ thực vật gây hậu quả xấu cho con người và môi trường trong quá trình sử dụng, người sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nghĩa vụ nào sau đây?

a) Người sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế hậu quả.

b) Người sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có trách nhiệm báo cáo ngay Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố để có biện pháp khắc phục hậu quả.

c) Người sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không cần làm gì.

d) Người sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế hậu quả và báo cáo ngay Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố để có biện pháp khắc phục hậu quả.

Câu 107. Trường hợp thuốc bảo vệ thực vật bị rò rỉ, phát tán có nguy cơ gây tác hại đến con người, vật nuôi, môi trường, tổ chức, cá nhân bảo quản thuốc có trách nhiệm nào sau đây?

a) Người sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế hậu quả.

b) Người sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có trách nhiệm báo cáo ngay Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố để có biện pháp khắc phục hậu quả.

c) Người sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không cần làm gì .

d) Người sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế hậu quả và báo cáo ngay Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố để có biện pháp khắc phục hậu quả.

Câu 108. Mô hình canh tác lúa giảm phát thải khí nhà kính phổ biến ở Hà Nội hiện nay là?

a) Thâm canh lúa cải tiến (SRI).

b) Canh tác lúa hữu cơ.

c) Chuyên canh 1 giống lúa.

d) Luân canh trồng lúa nước và cây trồng cạn khác.

Câu 109. Cách bón phân hợp lý để vừa đảm bảo năng suất cây trồng vừa giảm ô nhiễm môi trường là?

a) Đúng loại phân; bón đúng lúc; bón đúng đối tượng; đúng thời tiết, mùa vụ.

b) Đúng loại phân; bón đúng lúc; bón đúng đối tượng; đúng thời tiết, mùa

vụ; bón đúng cách; bón phân cân đối.

c) Đúng loại phân; bón đúng cách; bón phân cân đối.

d) Bón đúng thời tiết, mùa vụ; bón đúng cách; bón phân cân đối.

Câu 110. Có phải xử lý phụ phẩm cây trồng không?

a) Không phải thu gom, xử lý.

b) Chỉ cần để đống ở bờ ruộng là được.

c) Để tự hoai mục trên đồng ruộng.

d) Phụ phẩm cây trồng phải được thu gom, xử lý, sử dụng phù hợp, không gây ô nhiễm môi trường và lan truyền sinh vật gây hại.

Câu 111. Tổ chức, cá nhân canh tác trồng trọt phải bảo đảm yêu cầu nào sau đây?

a) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Tuân thủ hướng dẫn của cơ quan chuyên môn khi sử dụng vật tư nông nghiệp trong canh tác có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

c) Thu gom, xử lý, sử dụng phụ phẩm cây trồng theo quy định.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 112. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu thuốc thú y phải đăng ký lưu hành thuốc thú y với cơ quan nào sau đây?

a) Cục Thú y.

b) Chi cục Chăn nuôi và Thú y các tỉnh, thành phố.

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

d) Hội đồng nhân dân các cấp.

Câu 113. Hóa chất dùng trong thú y là sản phẩm có nguồn gốc hóa học dùng để làm gì?

a) Phòng bệnh, chữa bệnh, chẩn đoán bệnh, khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật.

b) Tránh lây lan dịch bệnh, cho động vật ăn, uống để phòng bệnh.

c) Kích thích tăng trưởng, bảo vệ sức khỏe động vật.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 114. Luật Thú y năm 2015 quy định những hành vi bị cấm nào sau đây?

a) Vứt động vật mắc bệnh chết và sản phẩm của chúng, xả nước thải, chất thải, mầm bệnh ra môi trường.

b) Giết mổ động vật, sản phẩm động vật dùng làm thực phẩm trước thời gian ngừng sử dụng thuốc thú y theo hướng dẫn sử dụng.

c) Sử dụng thuốc thú y không rõ nguồn gốc xuất xứ, thuốc thú y hết hạn sử dụng.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 115. Địa điểm hố chôn động vật mắc bệnh tiêu hủy phải cách nhà dân, giếng nước, khu chuồng nuôi động vật là bao nhiêu mét?

a) 30m.

b) 50m.

c) 60m.

d) 100m.

Câu 116. Theo quy định tại Nghị định số 123/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ thì nhà xưởng sản xuất thuốc thú y phải đáp ứng các điều kiện nào sau đây?

a) Tránh sự xâm nhập của các loại côn trùng và động vật khác; có vị trí ngăn cách các nguồn lây nhiễm từ bên ngoài.

b) Có hệ thống cấp và xử lý nước, thoát nước, khí thải, chất thải.

c) Nền nhà không ngấm nước, dễ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; tường, trần được làm bằng vật liệu bền, chắc, dễ vệ sinh.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 117. Theo Nghị định số 13/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ thì cơ sở sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi phải bảo đảm các yêu cầu nào sau đây?

a) Địa điểm cơ sở không năm trong khu vực bị ô nhiễm bởi chất thải nguy hại, hóa chất độc hại.

b) Có thiết bị thu gom và xử lý chất thải trong quá trình sản xuất bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường khu vực sản xuất.

c) Có hệ thống kiểm soát chất lượng sản phẩm.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 118. Theo Luật Chăn nuôi năm 2018 có những quy định nào dưới đây để xử lý nước thải trong chăn nuôi?

a) Tổ chức, cá nhân sở hữu cơ sở chăn nuôi trang trại có trách nhiệm thu gom, xử lý nước thải chăn nuôi đáp ứng quy chuẩn quốc gia về nước thải chăn nuôi trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Nước thải chăn nuôi đã xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về

nước thải chăn nuôi được sử dụng cho cây trồng.

c) Nước thải chăn nuôi chưa xử lý khi vận chuyển ra khỏi cơ sở chăn nuôi trang trại đến nơi xử lý phải sử dụng phương tiện, thiết bị chuyên dụng.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 119. Quản lý chất thải trong trồng trọt là hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển. Để giảm thiểu thải loại chất thải cần áp dụng biện pháp nào sau đây?

a) Đổ đống.

b) Làm phân.

c) Thiêu hủy.

d) Nuôi giun.

Câu 120. Theo Luật Chăn nuôi năm 2018 thì việc xử lý chất thải trong chăn nuôi nông hộ phải thực hiện các yêu cầu nào sau đây?

a) Chỉ cần có biện pháp xử lý phân, nước thải, khí thải chăn nuôi bảo đảm vệ sinh môi trường và không gây ảnh hưởng đến người xung quanh.

b) Chỉ cần vật nuôi chết vì bệnh dịch và chất thải nguy hại khác phải được xử lý theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

c) Có biện pháp xử lý phân, nước thải, khí thải chăn nuôi bảo đảm vệ sinh môi trường và không gây ảnh hưởng đến người xung quanh và nuôi chết vì bệnh dịch và chất thải nguy hại khác phải được xử lý theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

d) Không đáp án nào.

Câu 121. Theo Luật Thuế bảo vệ môi trường năm 2010 thì đối tượng nào sau đây phải chịu thuế bảo vệ môi trường?

a) Thuốc diệt cỏ.

b) Thuốc bảo quản lâm sản thuộc loại hạn chế sử dụng.

c) Thuốc bảo quản lâm sản.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 122. Theo Luật Thuế bảo vệ môi trường năm 2010 thì hàng hóa nào dưới đây phải chịu mức thuế tuyệt đối theo quy định tại Biểu khung thuế bảo vệ môi trường?

a) Thuốc diệt cỏ.

b) Thuốc trừ mối.

c) Túi ni lông thuộc diện chịu thuế.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 123. Theo Luật Thuế bảo vệ môi trường năm 2010 thì thuế bảo vệ môi trường là?

a) Thuế gián thu, thu vào sản phẩm, hàng hóa khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường.

b) Thuế thu trực tiếp đối với mọi hàng hóa lưu thông trên thị trường.

c) Thuế thu trực tiếp với mọi hàng hóa gây tác động xấu đến môi trường.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 124. Thông tư nào dưới đây quy định về quản lý chất thải nguy hại?

a) Thông tư 35/2015/TT-BCT ngày 27/10/2015.

b) Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015.

c) Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015.

d) Thông tư 04/2012/TT-BTNMT ngày 08/5/2012.

Câu 125. Loại hàng hóa nào sau đây không phải chịu thuế bảo vệ môi trường?

a) Xăng, dầu, mỡ nhờn.

b) Than đá.

c) Hóa chất tẩy rửa.

d) Thuốc khử trùng kho thuộc loại hạn chế sử dụng.

Câu 126. Những hành vi nào dưới đây bị cấm trong việc sản xuất, kinh doanh thực phẩm?

a) Vi phạm về ghi nhãn thực phẩm.

b) Quảng cáo thực phẩm sai sự thật.

c) Sản xuất, kinh doanh thực phẩm biến chất.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 127. Hình thức xử lý thực phẩm nào sau đây không bảo đảm an toàn?

a) Tái xuất.

b) Tiêu hủy.

c) Chuyển mục đích sử dụng.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 128. Chất thải y tế được phân định thành các loại nào dưới đây?

a) Chất thải lây nhiễm; Chất thải nguy hại không lây nhiễm.

b) Chất thải nguy hại không lây nhiễm; Chất thải thông thường.

c) Chất thải thông thường; Chất thải lây nhiễm.

a) Chất thải lây nhiễm; Chất thải nguy hại không lây nhiễm; Chất thải y tế thông thường.

Câu 129. Chất thải lây nhiễm gồm những loại nào sau đây?

a) Chất thải lây nhiễm sắc nhọn, Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn.

b) Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao.

c) Chất thải giải phẫu.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 130. Chất nào dưới đây không thuộc chất thải nguy hại không lây nhiễm?

a) Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có thành phần nguy hại.

b) Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất.

c) Chất thải giải phẫu.

d) Thiết bị y tế vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng, Chất hàn răng amalgam thải bỏ.

Câu 131. Bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa có màu vàng dùng để đựng chất thải y tế loại nào sau đây?

a) Chất thải lây nhiễm.

b) Chất thải nguy hại không lây nhiễm.

c) Chất thải y tế thông thường.

d) Chất thải tái chế.

Câu 132. Việc phân loại chất thải y tế được thực hiện theo nguyên tắc nào sau đây?

a) Chất thải y tế nguy hại và chất thải y tế thông thường phải phân loại để quản lý ngay tại nơi phát sinh và tại thời điểm phát sinh.

b) Từng loại chất thải y tế phải phân loại riêng vào trong bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải theo quy định. Trường hợp các chất thải y tế nguy hại không có khả năng phản ứng, tương tác với nhau và áp dụng cùng một phương pháp xử lý có thể được phân loại chung vào cùng một bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa.

c) Khi chất thải lây nhiễm để lẫn với chất thải khác hoặc ngược lại thì hỗn hợp chất thải đó phải thu gom, lưu giữ và xử lý như chất thải lây nhiễm.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 133. Chọn câu trả lời đúng?

a) Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: Đựng trong túi hoặc trong thùng

có lót túi và có màu vàng.

b) Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: Đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu xanh.

c) Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: Đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu đen.

d) Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: Đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu trắng.

Câu 134. Việc lưu giữ các loại chất thải y tế phải đáp ứng yêu cầu nào sau đây?

a) Tần suất thu gom chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế ít nhất 01 (một) lần/ngày.

b) Tần suất thu gom chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế ít nhất 02 lần/ngày.

c) Tần suất thu gom chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế ít nhất 03 lần/ngày.

d) Tần suất thu gom chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế ít nhất 04 lần/ngày.

Câu 135. Chọn câu trả lời sai về quy định thời gian lưu giữ chất thải lây nhiễm?

a) Đối với chất thải lây nhiễm phát sinh tại cơ sở y tế, thời gian lưu giữ chất thải lây nhiễm tại cơ sở y tế không quá 02 ngày trong điều kiện bình thường.

b) Đối với chất thải lây nhiễm được vận chuyển từ cơ sở y tế khác về để xử lý theo mô hình cụm hoặc mô hình tập trung, phải ưu tiên xử lý trong ngày. Trường hợp chưa xử lý ngay trong ngày, phải lưu giữ ở nhiệt độ dưới 20°C và thời gian lưu giữ tối đa không quá 05 ngày.

c) Trường hợp lưu giữ chất thải lây nhiễm trong thiết bị bảo quản lạnh dưới 8°C, thời gian lưu giữ tối đa là 07 ngày. . Đối với cơ sở y tế có lượng chất thải lây nhiễm phát sinh dưới 05 kg/ngày, thời gian lưu giữ không quá 03 ngày trong điều kiện bình thường và phải được lưu giữ trong các bao bì được buộc kín hoặc thiết bị lưu chứa được đậy nắp kín.

d) Đối với chất thải lây nhiễm được vận chuyển từ cơ sở y tế khác về để xử lý theo mô hình cụm hoặc mô hình tập trung, phải ưu tiên xử lý trong ngày. Trường hợp chưa xử lý ngay trong ngày, phải lưu giữ ở nhiệt độ dưới 20°C và thời gian lưu giữ tối đa không quá 02 ngày.

Câu 136. Các quy định về vệ sinh trong tổ chức tang lễ gồm các quy định nào sau đây?

a) Bảo đảm an toàn về vệ sinh thực phẩm. Hạn chế tổ chức ăn uống để tránh xảy ra ngộ độc thực phẩm và lây lan dịch bệnh.

b) Bảo đảm các quy định về giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư theo tiêu chuẩn TCVN 5949-1998.

c) Bảo đảm các quy định về sử dụng nhạc tang trong tổ chức tang lễ.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 137. Các quy định về mai táng phải thực hiện như thế nào?

a) Chỉ có những người chết do mắc các bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A phải được xử lý bằng dung dịch hóa chất diệt khuẩn theo quy định của Bộ Y tế.

b) Mai táng người chết do mắc các bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A và một số bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B theo quy định của Bộ Y tế phải được xử lý bằng dung dịch hóa chất diệt khuẩn hoặc vôi bột theo quy định của Bộ Y tế.

c) Mai táng người chết do mắc các bệnh truyền nhiễm không cần xử lý bằng dung dịch hóa chất diệt khuẩn.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 138. Những nguyên tắc nào sau đây áp dụng trong vệ sinh trong hoạt động mai táng, hỏa táng?

a) Bảo đảm không ảnh hưởng đến sức khỏe con người và bảo đảm không làm ô nhiễm môi trường.

b) Tôn trọng các quyền tự do tín ngưỡng, phong tục tập quán nhưng phải phù hợp với các quy định vệ sinh.

c) Tuân thủ các quy định liên quan khác của pháp luật.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 139. Tại hộ gia đình, nơi quàn ướp thi hài (lưu giữ thi hài) cần được lưu giữ trong điều kiện nào sau đây?

a) Nơi giữ phải thông thoáng trong nhà.

b) Thi hài được phủ kín bằng chăn hoặc vải.

c) Có người trông coi thường xuyên để bảo vệ thi hài tránh côn trùng, súc vật xâm nhập.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 140. Những người chết do nguyên nhân thông thường, trong điều kiện thường không có bảo quản lạnh thì thời gian quàn ướp thi hài (lưu giữ thi hài) kể từ khi chết không quá bao nhiêu giờ?

a) Không quá 12 giờ.

b) Không quá 24 giờ.

c) Không quá 48 giờ.

d) Không quá 72 giờ.

Câu 141. Các quy định về vệ sinh trong vận chuyển thi hài là gì?

a) Thi hài khi vận chuyển phải được bao bọc kín bằng các vật liệu không thấm nước và được vận chuyển bằng phương tiện riêng. Khi vận chuyển thi hài bằng phương tiện vận tải giao thông đường không, đường thủy, đường biển hoặc đường sắt thì thi hài phải được đặt ở buồng riêng và kín.

b) Khi vận chuyển thi hài bằng phương tiện vận tải giao thông đường không, đường thủy, đường biển hoặc đường sắt thì thi hài phải được đặt ở buồng thoáng khí.

c) Thi hài khi vận chuyển phải được bao bọc kín bằng các vật liệu không thấm nước và được vận chuyển bằng phương tiện công cộng.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 142. Trong chuẩn bị dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, đơn vị nào phải thực hiện đánh giá tác động môi trường hoặc đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường?

a) Chủ dự án.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng.

c) Đơn vị thầu xây dựng.

d) Đơn vị thi công.

Câu 143. Đơn vị nào phải bố trí các chi phí cho công tác bảo vệ môi trường của công trình xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông?

a) Chủ dự án.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng.

c) Đơn vị thầu xây dựng.

d) Đơn vị thi công.

Câu 144. Tổ chức giám sát, đôn đốc thực thi các biện pháp quản lý, thu gom, xử lý chất thải khi thi công công trình xây dựng thuộc trách nhiệm của cơ quan nào sau đây?

a) Chủ dự án.

b) Đơn vị thầu.

c) Đơn vị thi công.

d) UBND cấp xã, cấp huyện.

Câu 145. Trong thi công công trình xây dựng, trường hợp xảy ra sự cố môi trường phải thực hiện biện pháp nào sau đây?

a) Dừng hoạt động thi công, thực hiện biện pháp khắc phục và báo cáo ngay cho cơ quan phê duyệt quyết định đầu tư dự án và UBND cấp xã hoặc UBND cấp huyện hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường nơi thực hiện dự án.

b) Dừng hoạt động thi công.

c) Thực hiện biện pháp khắc phục.

d) Báo cáo ngay cho cơ quan phê duyệt quyết định đầu tư dự án và UBND cấp xã hoặc UBND cấp huyện hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường nơi thực hiện dự án.

Câu 146. Trong thi công công trình xây dựng, đơn vị nào phải tổ chức thực hiện các yêu cầu của kế hoạch quản lý môi trường của dự án và các biện pháp xử lý chất thải, các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường đối với gói thầu?

a) Nhà thầu thi công xây dựng.

b) Chủ dự án.

c) Sở Tài nguyên và môi trường.

d) Sở Xây dựng.

Câu 147. Trong thi công công trình xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, đơn vị nào thực hiện thu gom, lưu giữ rác thải sinh hoạt và hợp đồng với đơn vị vệ sinh môi trường địa phương để vận chuyển, xử lý hoặc tự xử lý theo biện pháp được quy định?

a) Nhà thầu thi công xây dựng.

b) Chủ dự án.

c) Sở xây dựng.

d) UBND cấp xã, cấp huyện.

Câu 148. Đơn vị nào phải hoàn nguyên môi trường, thu dọn vệ sinh công trường, thanh thải lòng sông, kênh sau khi hoàn thành thi công gói thầu?

a) Nhà thầu thi công xây dựng.

b) Chủ dự án.

c) Sở Tài nguyên và môi trường.

d) UBND cấp xã, cấp huyện.

Câu 149. Đơn vị nào phải có trách nhiệm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm của từng dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông?

a) Chủ dự án.

b) Nhà thầu thi công xây dựng.

c) Sở Tài nguyên và môi trường.

d) Sở Giao thông vận tải.

Câu 150. Lưu trữ hồ sơ bảo vệ môi trường của dự án công trình xây dựng; hợp tác, cung cấp thông tin liên quan cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong kiểm tra, thanh tra là trách nhiệm của đơn vị nào sau đây?

a) Chủ dự án.

b) Nhà thầu thi công xây dựng.

c) Sở Tài nguyên và môi trường.

d) Sở Giao thông vận tải.

Câu 151. Đơn vị nào có trách nhiệm bố trí nhà vệ sinh, thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải, công trình xử lý nước thải tạm thời trên công trường thi công, văn phòng điều hành công trường và khu vực lán trại công nhân?

a) Nhà thầu thi công xây dựng.

b) Chủ dự án.

c) UBND cấp xã.

d) Sở Tài nguyên và môi trường.

Câu 152. Chủ dự án phải đưa những nội dung cam kết nào vào trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận của dự án vào hồ sơ mời thầu và hợp đồng với các nhà thầu thi công xây dựng?

a) Bảo vệ môi trường, các biện pháp xử lý chất thải, các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

b) Chỉ là bảo vệ môi trường.

c) Chỉ là các biện pháp xử lý chất thải.

d) Chỉ là các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

Câu 153. Nhà thầu trong suốt quá trình thi công xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông phải thực hiện công việc nào sau đây?

a) Các biện pháp giảm bụi, ồn, rung, các biện pháp thoát nước, chống ngập cục bộ; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn giao thông.

b) Các biện pháp giảm bụi, ồn, rung, các biện pháp thoát nước, chống ngập cục bộ.

c) Xây dựng phương án ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn giao thông.

d) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án ứng phó sự cố, bảo đảm an

toàn giao thông.

Câu 154. Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ được áp dụng đối với phương tiện nào sau đây?

a) Xe ô tô con, ô tô chở khách, ô tô tải.

b) Xe mô tô, xe gắn máy, máy kéo và các loại xe tương tự.

c) Xe cơ giới của quân đội sử dụng vào mục đích quốc phòng.

d) Xe cơ giới của công an sử dụng an ninh.

Câu 155. Xe cơ giới vẫn được cấp Giấy chứng nhận kiểm định trong trường hợp nào sau đây?

a) Khiếm khuyết, hư hỏng không quan trọng (MINOR DEFECTS - MiD) là hư hỏng không gây mất an toàn kỹ thuật, ô nhiễm môi trường khi xe cơ giới tham gia giao thông.

b) Khiếm khuyết, hư hỏng quan trọng (MAJOR DEFECTS - MaD) là hư hỏng có thể gây mất an toàn kỹ thuật, ô nhiễm môi trường khi xe cơ giới tham gia giao thông.

c) Khiếm khuyết, hư hỏng nguy hiểm (DANGEROUS DEFECTS - DD) là hư hỏng gây nguy hiểm trực tiếp và tức thời khi xe cơ giới tham gia giao thông.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 156. Việc kiểm tra, đánh giá tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới phải do người nào thực hiện?

a) Đăng kiểm viên.

b) Cảnh sát giao thông.

c) Chủ phương tiện.

d) Người điều khiển phương tiện.

Câu 157. Lộ trình tiêu chuẩn khí thải mức 4 áp dụng cho các loại xe ôtô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới từ thời điểm nào?

a) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

b) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

c) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

d) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Câu 158. Lộ trình tiêu chuẩn khí thải mức 5 áp dụng cho các loại xe ôtô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới từ thời điểm nào?

a) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

b) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

c) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

d) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Câu 159. Các loại xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới phải áp dụng tiêu chuẩn khí thải mức 3 từ thời điểm nào?

a) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

b) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

c) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

d) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Câu 160. Trách nhiệm tổ chức thu gom các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cảng, bến và chất thải từ các phương tiện khi phương tiện neo đậu tại cảng, bến thuộc về đơn vị nào dưới đây?

a) Chủ cảng, bến thủy nội địa.

b) Sở Tài nguyên môi trường.

c) UBND xã, phường, thị trấn.

d) Sở Giao thông vận tải.

Câu 161. Người có trách nhiệm thu gom chất thải, chất gây ô nhiễm phát sinh trên phương tiện thủy, chuyển giao cho tổ chức có chức năng tiếp nhận và xử lý theo quy định là?

a) Chủ phương tiện.

b) Chủ cảng, bến thủy nội địa.

c) UBND xã, phường, thị trấn.

d) Sở Giao thông vận tải.

Câu 162. UBND thành phố Hà Nội quy định chấm dứt hoàn toàn việc không còn sử dụng than tổ ong làm nhiên liệu phục vụ sinh hoạt từ thời điểm nào?

a) Bắt đầu từ ngày 01/01/2021.

b) Bắt đầu từ ngày 30/10/2019.

c) Bắt đầu từ ngày 01/01/2020.

d) Bắt đầu từ ngày 01/10/2021.

Câu 163. Để quản lý rác thải nhựa trên địa bàn Thủ đô, UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành văn bản nào sau đây?

a) Kế hoạch số 232/KH-UBND ngày 25/10/2019.

b) Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 31/10/2018.

c) Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 02/11/2017.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 164. Tìm mục tiêu đúng tại Kế hoạch số 232/KH-UBND ngày 25/10/2019 của UBND Thành phố về phòng, chống rác thải nhựa và túi ni lông đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 trên địa bàn thành phố Hà Nội?

a) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, ngành, các tổ chức và cá nhân về ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường do sử dụng đồ nhựa một lần và túi ni lông khó phân hủy trong sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt; làm thay đổi từ nhận thức thành hành động cụ thể, tiến tới từ bỏ thói quen sử dụng đồ nhựa khó phân hủy sử dụng một lần và túi ni lông khó phân hủy và thay thế bằng sản phẩm thân thiện với môi trường.

b) Phát huy, tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong việc thu gom, phân loại các chất thải từ nhựa sử dụng một lần và bao bì, túi ni lông khó phân hủy; vận chuyển đến nơi quản lý, tái chế theo quy định.

c) Đẩy mạnh việc nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sản xuất, hoàn thiện cơ chế chính sách khuyến khích phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường để thay thế túi ni lông, sản phẩm nhựa sử dụng một lần.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 165. Tìm mục tiêu đúng tại Kế hoạch số 232/KH-UBND ngày 25/10/2019 của UBND Thành phố về phòng, chống rác thải nhựa và túi ni lông đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 trên địa bàn thành phố Hà Nội?

a) 70% các đơn vị, cơ quan, tổ chức, đoàn thể trực thuộc UBND Thành phố không sử dụng túi ni lông khó phân hủy và các sản phẩm nhựa sử dụng một lần từ tháng 11 năm 2019.

b) 80% các đơn vị, cơ quan, tổ chức, đoàn thể trực thuộc UBND Thành phố không sử dụng túi ni lông khó phân hủy và các sản phẩm nhựa sử dụng một lần từ tháng 11 năm 2019.

c) 90% các đơn vị, cơ quan, tổ chức, đoàn thể trực thuộc UBND Thành phố không sử dụng túi ni lông khó phân hủy và các sản phẩm nhựa sử dụng một lần từ tháng 11 năm 2019.

d) 100% các đơn vị, cơ quan, tổ chức, đoàn thể trực thuộc UBND Thành phố không sử dụng túi ni lông khó phân hủy và các sản phẩm nhựa sử dụng một lần từ tháng 11 năm 2019.

Câu 166. Tìm mục tiêu đúng tại Kế hoạch số 232/KH-UBND ngày 25/10/2019 của UBND Thành phố về phòng, chống rác thải nhựa và túi ni lông đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 trên địa bàn thành phố Hà Nội?

a) Thay đổi thói quen, giảm dần việc sử dụng túi ni lông khó phân hủy sử dụng một lần trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; sử dụng các sản phẩm nhựa sử dụng một lần và túi ni lông khó phân hủy trong sinh hoạt cộng đồng dân cư và hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ từ năm 2020.

b) Tăng cường thu gom, tái chế chất thải nhựa từ hoạt động sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần và túi ni lông khó phân hủy.

c) Đến 31/12/2020 hạn chế tối đa các cơ sở sản xuất bao bì tiêu dùng bằng nhựa.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 167. Theo Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thì mức thu giá dịch vụ vệ sinh đối với đối với rác thải sinh hoạt trên thành phố đối với cá nhân là bao nhiêu tiền một tháng?

a) 1.500 đồng/người/tháng đối với khu vực nông thôn và 3.000 đồng/người/tháng đối với khu vực đô thị.

b) 3000 đồng/người/tháng đối với các cá nhân cư trú ở các xã, thị trấn và 6.000 đồng/người/tháng đối với các cá nhân cư trú ở các phường.

c) 48.000 đồng/hộ/tháng.

d) Miễn phí.

Câu 168. Thành phố Hà Nội đã đặt chỉ tiêu về tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý đến năm 2020 là bao nhiêu %?

a) 75%

b) 85%

c) 95%

d) 100%

Câu 169. Thành phố Hà Nội đã đặt chỉ tiêu về tỷ lệ chất thải rắn nông thôn được thu gom đến năm 2020 là bao nhiêu %?

a) Từ 80% đến 85%.

b) Từ 85% đến 90%.

c) Từ 90% đến 95%.

d) Từ 95% đến 100%.

Câu 170. Cơ quan nào sau đây được UBND Thành phố Hà Nội giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất thải rắn sinh hoạt và xử lý nước thải trên toàn địa bàn Thành phố?

a) Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Sở Xây dựng.

c) Sở Công Thương.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 171. UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quy tắc ứng xử nào sau đây nên làm để bảo vệ môi trường tại những nơi công cộng như vỉa hè, lòng đường?

a) Giữ gìn, làm đẹp cảnh quan, bảo vệ môi trường.

b) Duy trì trật tự, vệ sinh thường xuyên.

c) Đổ rác đúng giờ, đúng nơi quy định.

d)Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 172. UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quy tắc ứng xử nào sau đây nên làm để bảo vệ môi trường tại những nơi công cộng như vườn hoa, quảng trường, tượng đài, công viên?

a) Bày, bán hàng tại quảng trường, công viên.

b) Bày biện, ăn uống ở những nơi rộng rãi tại quảng trường, tượng đài.

c) Mang theo vật nuôi đi chơi trong công viên, vườn hoa.

d) Giữ gìn trật tự, vệ sinh không gian chung.

Câu 173. UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quy tắc ứng xử nào sau đây nên làm khi đi đến những cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo?

a) Đi nhẹ, nói khẽ, giữ gìn trật tự, vệ sinh chung.

b) Thực hành, ủng hộ mê tín dị đoan.

c) Lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để trục lợi, xâm hại lợi ích của tập thể, cá nhân.

d) Mặc trang phục hở hang, không phù hợp thuần phong mỹ tục, gây phản cảm.

Câu 174. Khi mua hàng tại trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, quán ăn bạn nên làm gì để bảo vệ môi trường?

a) Vứt rác thải bừa bãi.

b) Sử dụng bao bì, túi đựng thân thiện với môi trường.

c) Sử dụng nhiều đồ nhựa dùng một lần.

d) Sử dụng nhiều túi nilong để đựng hàng hóa.

Câu 175. Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định trong phạm vi bán kính bao nhiêu thì người dân thuộc vùng ảnh hưởng môi trường khu vực xung quanh các khu xử lý chất thải rắn bằng phương pháp chôn lấp (sau đây gọi là Bãi chôn lấp chất thải) được hỗ trợ tiền?

a) 100 m (đối với Bãi chôn lấp chất thải quy mô vừa và nhỏ) và đến 5.000 m (đối với Bãi chôn lấp chất thải quy mô lớn và rất lớn) tính từ hành rào khu xử lý chất thải.

b) 200 m (đối với Bãi chôn lấp chất thải quy mô vừa và nhỏ) và đến 6.000 m (đối với Bãi chôn lấp chất thải quy mô lớn và rất lớn) tính từ hành rào khu xử lý chất thải.

c) 400 m (đối với Bãi chôn lấp chất thải quy mô vừa và nhỏ) và đến 8.000 m (đối với Bãi chôn lấp chất thải quy mô lớn và rất lớn) tính từ hành rào khu xử lý chất thải.

d) 500 m (đối với Bãi chôn lấp chất thải quy mô vừa và nhỏ) và đến 1.000 m (đối với Bãi chôn lấp chất thải quy mô lớn và rất lớn) tính từ hành rào khu xử lý chất thải.

Câu 176. Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 5/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy địnhđối tượng hưởng hỗ trợ bằng tiền đối với người dân thuộc vùng ảnh hưởng môi trường khu vực xung quanh các khu xử lý chất thải rắn bằng phương pháp chôn lấp trên địa bàn thành phố Hà Nội là?

a) Cá nhân là người sinh sống thường xuyên có hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký tạm trú (theo quy định của Luật Cư trú) trong khu vực thuộc phạm vi ảnh hưởng môi trường tính từ hàng rào Khu chôn lấp chất thải theo danh sách của chính quyền địa phương cung cấp.

b) Cá nhân không sinh sống thường xuyên nhưng thường xuyên vào học tập, sản xuất, làm việc tại khu vực thuộc phạm vi ảnh hưởng môi trường theo quy định của Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 mà chưa được hưởng chế độ bồi dưỡng do đơn vị sử dụng lao động chi trả theo quy định tại thông tư số 25/2013/TT-BLĐTBXH.

c) Hộ gia đình, cá nhân có đất canh tác nằm trong vùng ảnh hưởng môi trường, vẫn thường xuyên lao động, sản xuất nông, lâm nghiệp theo danh sách của chính quyền địa phương cung cấp.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 177. Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 5/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định mức hỗ trợ trong phạm vi từ 0 m đến 150 m đối với cá nhân trong phạm vi vùng ảnh hưởng môi trường tại các khu xử lý chất thải rắn bằng phương pháp chôn lấp quy mô lớn và rất lớn (công suất tiếp nhận ≥ 65.000 tấn/năm) là?

a) 133.000 đồng/người/30 ngày.

b) 106.000 đồng/người/30 ngày.

c) 84.000 đồng/người/30 ngày.

d) 80.000 đồng/người/30 ngày.

Câu 178. Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 5/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định mức hỗ trợ trong phạm vi từ 0m đến 150m đối với cá nhân trong phạm vi vùng ảnh hưởng môi trường tại các khu xử lý chất thải rắn bằng phương pháp chôn lấp quy mô quy mô nhỏ và vừa (công suất tiếp nhận < 65.000 tấn/năm) là?

a) 100.000 đồng/người/30 ngày.

b) 92.000 đồng/người/30 ngày.

c) 66.000 đồng/người/30 ngày.

d) 47.000 đồng/người/30 ngày.

Câu 179. Tại Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND Thành phố Hà Nội quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn Thành phố là?

a) Cá nhân cư trú ở các phường: 6.000 đồng/người/tháng; Cá nhân cư trú ở các xã, thị trấn: 3.000 đồng/người/tháng.

b) Cá nhân cư trú ở các phường: 8.000 đồng/người/tháng; Cá nhân cư trú ở các xã, thị trấn: 5.000 đồng/người/tháng.

c) Cá nhân cư trú ở các phường: 10.000 đồng/người/tháng; Cá nhân cư trú ở các xã, thị trấn: 7.000 đồng/người/tháng.

d) Cá nhân cư trú ở các phường: 12.000 đồng/người/tháng; Cá nhân cư trú ở các xã, thị trấn: 10.000 đồng/người/tháng.

Câu 180. Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường hiện nay được quy định tại văn bản pháp luật nào dưới đây?

a) Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ.

b) Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ.

c) Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

d) Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 30/10/2019 của UBND Thành phố Hà Nội.

Câu 181. Theo quy định tại Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ thì mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với cá nhân, tổ chức là bao nhiêu?

a) 100.000.000 đồng đối với cá nhân và 2.00.000.000 đồng đối với tổ chức.

b) 500.000.000 đồng đối với cá nhân và 1.00.000.000 đồng đối với tổ chức.

c) 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức.

d) 2.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 4.000.000.000 đồng đối với tổ chức.

Câu 182. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Xử lý vi phạm hành chính trong bao lâu?

a) Từ 01 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành.

b) Từ 02 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành.

c) Từ 03 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành.

d) Từ 06 tháng đến 36 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành.

Câu 183. Cùng hành vi vi phạm hành chính, mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức bằng mấy lần mức phạt tiền với cùng hành vi vi phạm hành chính của cá nhân?

a) Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức bằng mức phạt tiền với cùng hành vi vi phạm hành chính của cá nhân.

b) Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức bằng 1,5 lần mức phạt tiền với cùng hành vi vi phạm hành chính của cá nhân.

c) Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền với cùng hành vi vi phạm hành chính của cá nhân.

d) Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức bằng 03 lần mức phạt tiền với cùng hành vi vi phạm hành chính của cá nhân.

Câu 184. Mức phạt tiền đối với công trình xây dựng của cá nhân gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn từ 02 dBA đến dưới 05 dBA bị xử phạt bao nhiêu tiền?

a) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

b) Từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

c) Từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng.

d) Từ 2.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Câu 185. Mức phạt tiền đối với công trình xây dựng của cá nhân gây độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 02 dB đến dưới 05 dB bị xử phạt bao nhiêu tiền?

a) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

b) Từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

c) Từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng.

d) Từ 2.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Câu 186. Hành vi thải chất thải vệ sinh hầm cầu, hóa chất độc, các nguồn gây dịch bệnh vào môi trường trái quy định về bảo vệ môi trường có khối lượng tối thiểu bao nhiêu kilôgam thì bị xử phạt?

a) 50 kg.

b) 100 kg.

c) 500 kg.

d) Không quy định khối lượng chất thải.

Câu 187. Mức phạt tiền đối với cá nhân có hành vi thải chất thải vệ sinh hầm cầu, hóa chất độc, các nguồn gây dịch bệnh vào môi trường trái quy định về bảo vệ môi trường là bao nhiêu tiền?

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

d) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Câu 188. Hành vi vi phạm gây ô nhiễm đất, nước (nước ngầm, nước mặt bên trong và ngoài khuôn viên của cơ sở) hoặc không khí vượt qui chuẩn kỹ thuật về môi trường đất, nước, không khí xung quang nào dưới đây có mức phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 100.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng đối với tổ chức ?

a) Đối với trường hợp hàm lượng chất gây ô nhiễm (thông số môi trường) trong đất, nước hoặc không khí vượt qui chuẩn kỹ thuật dưới 03 lần đối với thông số môi trường nguy hại hoặc dưới 05 lần đối với thông số môi trường thông thường.

b) Đối với trường hợp hàm lượng chất gây ô nhiễm (thông số môi trường) trong đất, nước hoặc không khí vượt quy chuẩn kỹ thuật từ 03 lần đến dưới 05 lần đối với thông số môi trường nguy hại hoặc từ 05 lần đến dưới 10 lần đối với thông số môi trường thông thường.

c) Đối với hành vi thải chất thải vệ sinh hầm cầu, hóa chất độc, các nguồn gây dịch bệnh vào môi trường trái quy định về bảo vệ môi trường.

d) Đối với hành vi gây ô nhiễm môi trường kéo dài, lặp lại nhiều lần mà không khắc phục được.

Câu 189. Mức phạt tiền đối với cá nhân có hành vi vứt, thải, bỏ đầu, mẩu và tàn thuốc lá không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương

mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng là bao nhiêu tiền?

a) Từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.

b) Từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng.

c) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

d) Từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng.

Câu 190. Mức phạt tiền đối với cá nhân có hành vi vệ sinh (tiểu tiện, đại tiện) không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng là bao nhiêu tiền?

a) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000đồng.

b) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000đồng.

c) Từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000đồng.

d) Từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000đồng.

Câu 191. Mức phạt tiền đối với cá nhân có hành vi vứt, thải, bỏ rác thải sinh hoạt không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng (trừ hành vi vứt, thải rác thải sinh hoạt trên vỉa hè, đường phố hoặc vào hệ thống thoát nước thải đô thị hoặc hệ thống thoát nước mặt trong khu vực đô thị) là bao nhiêu tiền?

a) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

b) Từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

c) Từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng.

d) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Câu 192. Mức phạt tiền đối với cá nhân có hành vi vứt, thải rác thải sinh hoạt trên vỉa hè, đường phố hoặc vào hệ thống thoát nước thải đô thị hoặc hệ thống thoát nước mặt trong khu vực đô thị là bao nhiêu tiền?

a) Từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

b) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

c) Từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

d) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Câu 193. Mức phạt tiền đối với cá nhân có hành vi điều khiển phương tiện vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường mà không che chắn hoặc để rơi vãi ra môi trường trong khi tham gia giao thông là bao nhiêu tiền?

a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

b) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

c) Từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

d) Từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Câu 194. Mức phạt tiền đối với cá nhân có hành vi không sử dụng thiết bị, phương tiện chuyên dụng trong quá trình vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường mà làm rò rỉ, phát tán ra môi trường là bao nhiêu tiền?

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

b) Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

c) Từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

d) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Câu 195. Mức phạt tiền đối với tổ chức có hành vi không phân loại, không lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; không ký hợp đồng hoặc không chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định là bao nhiêu tiền?

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

b) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

c) Từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

d) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Câu 196. Mức phạt tiền đối với tổ chức có hành vi không phân loại, không lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định; không ký hợp đồng hoặc không chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; không báo cáo định kỳ về tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định là bao nhiêu tiền?

a) Từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

b) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

c) Từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

d) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Câu 197. Mức phạt tiền đối với tổ chức có hành vi không có báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường gửi cơ quan chức năng theo quy định là bao nhiêu tiền?

a) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

b) Từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

c) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

d) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Câu 198. Mức phạt tiền đối với tổ chức có hành vi vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường không đến điểm tập kết, trạm trung chuyển và cơ sở xử lý chất thải theo quy định là bao nhiêu tiền?

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

c) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

d) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Câu 199. Mức phạt tiền đối với tổ chức có hành vi không bố trí các thiết bị lưu chứa phù hợp để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định là bao nhiêu tiền?

a) Phạt cảnh cáo.

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

Câu 200. Mức phạt tiền đối với tổ chức có hành vi sử dụng các phương tiện, thiết bị vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định; bố trí thiết bị lưu chứa, khu vực lưu giữ tạm thời hoặc trạm trung chuyển, phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; để rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường trong quá trình vận chuyển là bao nhiêu tiền?

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

b) Từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

c) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng.

d) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Câu 201. Mức phạt tiền đối với tổ chức có hành vi không lập báo cáo, hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định là bao nhiêu tiền?

a) Cảnh cáo.

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

Câu 202. Hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt nào dưới đây có mức phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với tổ

chức?

a) Đối với hành vi không lập báo cáo, hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

b) Đối với hành vi hệ thống, thiết bị xử lý (kể cả sơ chế, tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng) khu vực lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định.

c) Đối với hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung trong giấy xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định hoặc phương án xử lý chất thải rắn sinh hoạt được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

d) Đối với hành vi không có giấy xác nhận đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường hoặc phương án xử lý chất thải sinh hoạt được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Câu 203. Tổ chức có hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường bị xử phạt tiền theo mức nào dưới đây?

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không lập báo cáo, hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

b) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung trong giấy xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường hoặc phương án xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

c) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung trong Giấy xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường hoặc phương án xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 204. Hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường nào dưới đây bị xử phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 200.000.000 đồng đến 240.000.000 đồng đối với tổ chức?

a) Đối với hành vi không thực hiện một trong các nội dung trong giấy xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường hoặc phương án xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

b) Đối với hành vi xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường không phù hợp với địa bàn hoạt động, công suất, loại chất thải, các hệ thống, thiết bị xử lý chất thải đã đầu tư xây dựng, lắp đặt theo quy định.

c) Đối với hành vi không thực hiện kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và phục hồi môi trường khi chấm dứt hoạt động theo quy định.

d) Đối với hành vi không có giấy xác nhận bảo vệ môi trường hoặc phương án xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường được cơ quan có thẩm quyền chất thuận theo quy định.

Câu 205. Tổ chức có hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định bị xử phạt tiền theo mức nào dưới đây?

a) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường dưới 1000kg.

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ 1.000 kg đến dưới 2.000 kg.

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ 2.000 kg đến dưới 3.000 kg.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 206. Tổ chức có hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý bị xử phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng thuộc trường hợp nào dưới đây?

a) Đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ 10.000 kg đến dưới 20.000 kg.

b) Đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ 30.000 kg đến 40.000 kg.

c) Đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ 40.000 kg đến dưới 60.000 kg.

d) Đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, thải

chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ 60.000kg đến dưới 80.000kg.

Câu 207. Trong các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại là cá nhân dưới đây, hành vi nào có mức phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng?

a) Kê khai không đúng, không đầy đủ chất thải nguy hại đã chuyển giao trong chứng từ chất thải nguy hại theo quy định.

b) Không báo cáo theo quy định với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc lưu giữ chất thải nguy hại quá 06 tháng kể từ ngày phát sinh chất thải nguy hại trong trường hợp chưa tìm được chủ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phù hợp.

c) Không chuyển chứng từ chất thải nguy hại cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 208. Trong các hành vi sau, hành vi nào có mức phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân?

a) Không lưu trữ chứng từ chất thải nguy hại đã sử dụng; không lưu trữ báo cáo quản lý chất thải nguy hại và các hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến hoạt động quản lý chất thải nguy hại theo quy định hoặc không thu gom chất thải nguy hại theo quy định; để chất thải nguy hại ngoài trời gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

b) Không thực hiện kê khai chứng từ chất thải nguy hại theo quy định; không thực hiện kê khai chứng từ chất thải nguy hại trực tuyến trên hệ thống thông tin của Tổng cục Môi trường hoặc thông qua thư điện tử khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

c) Không thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý chủ nguồn thải trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày chấm dứt hoạt động phát sinh chất thải nguy hại.

d) Tất cả các phương án đều đúng

Câu 209. Mức phạt tiền đối với cá nhân có hành vi không đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại hoặc không đăng ký cấp lại chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định là bao nhiêu tiền?

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

b) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

c) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

d) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Câu 210. Trong các hành vi sau, hành vi nào không có mức phạt từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân?

a) Không ký hợp đồng với đơn vị có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp trước khi chuyển giao chất thải nguy hại để xử lý theo quy định.

b) Không chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp để thu gom, xử lý theo quy định trong trường hợp chủ nguồn thải đã định kỳ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương về việc lưu giữ chất thải nguy hại tại cơ sở phát sinh nhưng Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương không cho phép tiếp tục lưu giữ.

c) Không phân định, phân loại, xác định đúng số lượng, khối lượng chất thải nguy hại để quản lý theo quy định; báo cáo không đúng thực tế với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại.

d) Để lẫn từ 10 chất thải nguy hại ở dạng sản phẩm thải bỏ đơn chiếc, thiết bị đơn chiếc trở lên hoặc từ 50% khối lượng chất thải nguy hại khác loại trở lên vào các bao bì, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại khác hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có cùng tính chất, phương pháp xử lý hoặc để vào chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường.

Câu 211. Mức phạt tiền đối với tổ chức có hành vi chuyển giao, cho, mua, bán chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trái quy định của pháp luật (trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường) là bao nhiêu tiền?

a) Từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.

b) Từ 1.500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng.

c) Từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng.

d) Từ 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng.

Câu 212. Mức phạt tiền đối với tổ chức có hành vi chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trái quy định của pháp luật dưới 3.000 kg (trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường) là bao nhiêu tiền?

a) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

b) Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng.

c) Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng.

d) Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng.

Câu 213. Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại nào dưới đây bị xử phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức?

a) Không báo cáo với cơ quan cấp phép các thay đổi về cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự chủ chốt hoặc các chương trình kế hoạch trong bộ hồ sơ đăng ký kèm theo giấy phép xử lý chất thải nguy hại so với khi được cấp phép.

b) Không chuyển chứng từ chất thải nguy hại cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

c) Không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ theo quy định hoặc không lập báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo không đúng thực tế với quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động quản lý chất thải nguy hại.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 214. Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại nào dưới đây bị xử phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức?

a) Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại ngoài địa bàn quy định trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại.

b) Vận chuyển chất thải nguy hại không theo tuyến đường, quãng đường, thời gian theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

c) Phương tiện, thiết bị chuyên dụng thu gom, vận chuyển, đóng gói, bảo quản và lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 215. Tổ chức có hành vi chôn, lấp, đổ, thải dưới 100 kg chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị phạt tiền theo mức nào dưới đây?

a) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

b) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.

c) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng.

d) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

Câu 216. Mức phạt tiền đối với cá nhân có hành vi chuyển giao, cho, bán dưới 100 kg chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân không có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường là bao nhiêu tiền?

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

b) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

c) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

d) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 130.000.000 đồng.

Câu 217. Cá nhân có hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu bị xử phạt tiền theo mức nào dưới đây?

a) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 130.000.000 đồng đối với hành vi kho hoặc bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

b) Phạt tiền từ 130.00.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không có kho hoặc bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu theo quy định.

c) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 170.000.000 đồng đối với hành vi không có công nghệ, thiết bị tái chế, tái sử dụng phế liệu, xử lý tạp chất đi kèm phế liệu đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định của pháp luật.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 218. Hành vi vi phạm các quy định về lưu hành chế phẩm sinh học không đúng với nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải tại Việt Nam nào dưới đây bị áp dụng mức phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với cá nhân?

a) Đối với trường hợp vi phạm về hình thức, nội dung bao bì, nhãn mác chế phẩm đã đăng ký.

b) Đối với trường hợp thay đổi về xuất xứ chủng gốc vi sinh vật đối với chế phẩm vi sinh vật.

c) Đối với trường hợp vi phạm về thành phần của chế phẩm sinh hoc.

d) Đối với trường hợp vi phạm về đặc tính, hiệu quả của chế phẩm sinh học đã đăng ký.

Câu 219. Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường biển nào dưới đây bị áp dụng phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với cá nhân?

a) Hoạt động khai thác nguồn lợi, tài nguyên biển và hoạt động khác liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên biển thực hiện không đúng quy hoạch sử dụng tài nguyên thiên nhiên đã được phê duyệt.

b) Hoạt động trong khu bảo tồn thiên nhiên, khu rừng ngập mặn, di sản tự nhiên biển không tuân theo quy chế của Ban quản lý, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Để, lưu giữ phương tiện vận tải, kho tàng, các công trình khai thác dầu khí trên biển quá thời gian xử lý.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 220. Đối với chủ đầu tư là tổ chức xây dựng mới khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu chung cư có hành vi bàn giao công trình đưa vào sử dụng mà không thực hiện đúng và đầy đủ một trong các yêu cầu về bảo vệ môi trường nào dưới đây bị xử phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến

500.000.000 đồng?

a) Không bảo đảm các yêu cầu về cảnh quan đô thị, vệ sinh môi trường.

b) Không có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải riêng biệt phù hợp với quy hoạch thoát nước thải, bảo vệ môi trường khu dân cư.

c) Không có nơi tập trung rác thải sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 221. Hành vi vi phạm các quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ nào dưới đây bị áp dụng phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân?

a) Đối với hành vi không thiết lập điểm hoặc hệ thống các điểm thu hồi sản phẩm thải bỏ theo quy định.

b) Đối với hành vi không có điểm thu hồi đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định.

c) Đối với hành vi không tiếp nhận để xử lý những sản phẩm thải bỏ của mình đã đưa ra thị trường hoặc những sản phẩm thải bỏ của mình đã đưa ra thị trường do nhà sản xuất khác thu hồi được khi có yêu cầu.

d) Đối với hành vi không tự xử lý, tái sử dụng hoặc không chuyển giao sản phẩm thải bỏ đã thu hồi cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

Câu 222. Cá nhân có hành vi vi phạm các quy định về cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản bị xử phạt tiền theo mức nào dưới đây?

a) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ một trong các nội dung trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

b) Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không có xác nhận hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

c) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không có phương án cải tạo, phục hồi môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 223. Cơ quan nào có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường?

a) Chủ tịch UBND các cấp.

b) Lực lượng Công an nhân dân.

c) Thanh tra chuyên ngành bảo vệ môi trường.

d) Các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 224. Người điều khiển xe ô tô, máy kéo thực hiện lôi kéo bùn, đất, cát, nguyên liệu, vật liệu hoặc chất phế thải ra đường bộ gây mất an toàn giao thông và vệ sinh môi trường sẽ bị xử phạt hành chính theo mức nào dưới đây?

a) Xử phạt vi phạm hành chính từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng và bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả (thu dọn, khôi phục, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường).

b) Xử phạt vi phạm hành chính và bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng.

c) Chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính.

d) Bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả (thu dọn, khôi phục, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường).

Câu 225. Cá nhân đổ chất phế thải, để trái phép vật liệu trong phạm vi đất dành cho đường bộ sẽ bị xử phạt theo mức nào dưới đây?

a) Xử phạt vi phạm hành chính từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng và buộc phải thu dọn và khôi phục lại tình trạng ban đầu.

b) Xử phạt vi phạm hành chính từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng.

c) Buộc phải thu dọn và khôi phục lại tình trạng ban đầu.

d) Xử phạt vi phạm hành chính từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng; buộc phải thu dọn và khôi phục lại tình trạng ban đầu.

Câu 226. Người điều khiển xe vệ sinh môi trường không chạy đúng tuyến, phạm vi, thời gian quy định sẽ bị xử phạt theo mức nào dưới đây?

a) Xử phạt vi phạm hành chính từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng và bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng.

b) Xử phạt vi phạm hành chính từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

c) Bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng.

d) Tạm giữ phương tiện.

Câu 227. Cá nhân xả nước thải xây dựng từ các công trình xây dựng ra đường phố sẽ bị xử phạt theo mức nào dưới đây?

a) Xử phạt vi phạm hành chính từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng và buộc phải thu dọn và khôi phục lại tình trạng ban đầu.

b) Xử phạt vi phạm hành chính từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng.

c) Buộc phải thu dọn và khôi phục lại tình trạng ban đầu.

d) Xử phạt vi phạm hành chính từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng; buộc phải thu dọn và khôi phục lại tình trạng ban đầu.

Câu 228. Người điều khiển xe súc vật kéo không dọn sạch chất thải

của súc vật thải ra đường, hè phố sẽ bị xử phạt theo mức nào dưới đây?

a) Xử phạt vi phạm hành chính từ 60.000 đồng đến 100.000 đồng.

b) Xử phạt vi phạm hành chính từ 120.000 đồng đến 200.000 đồng.

c) Tạm giữ xe và súc vật kéo.

d) Buộc thu dọn chất thải.

Câu 229. Hành vi vận chuyển hàng nguy hiểm, hàng độc hại, dễ cháy, dễ nổ hoặc động vật, hàng hóa khác có ảnh hưởng đến sức khỏe của hành khách trên xe chở hành khách, người vận chuyển sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo mức nào sau đây?

a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

b) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

c) Từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

d) Từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.

Câu 230. Người có hành vi gây tiếng động lớn, làm ồn ào, huyên náo tại khu dân cư, nơi công cộng trong khoảng thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau bị xử phạt theo mức nào dưới đây?

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng.

b) Phạt tiền từ 300.000 đến 500.000 đồng.

c) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

d) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng.

Câu 231. Người có hành vi vi phạm quy định về giữ gìn vệ sinh chung nào dưới đây bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng và buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường?

a) Không thực hiện các quy định về quét dọn rác, khai thông cống rãnh trong và xung quanh nhà ở, cơ quan, doanh nghiệp, doanh trại gây mất vệ sinh chung.

b) Đổ nước hoặc để nước chảy ra khu tập thể, lòng đường, vỉa hè, nhà ga, bến xe, trên các phương tiện giao thông, nơi công cộng hoặc ở những nơi khác làm mất vệ sinh chung.

c) Để gia súc, gia cầm hoặc các loại động vật nuôi phóng uế ở nơi công cộng; nuôi gia súc, gia cầm, động vật gây mất vệ sinh chung ở khu dân cư.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 232. Theo quy định tại Điều 235 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người có hành vi chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật chất thải rắn thông thường từ 100.000 kg đến dưới

200.000 kg sẽ bị xử lý với mức phạt nào sau đây?

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

c) Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Câu 233. Theo quy định tại Điều 235 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội gây ô nhiễm môi trường còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung nào sau đây?

a) Phạt tiền từ 12.000.000.000 đồng đến 20.000.000.000 đồng.

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.

c) Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Câu 234. Theo quy định Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội nào sau đây có thể phải chịu hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm?

a) Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại.

b) Tội vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường.

c) Tội gây ô nhiễm môi trường.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 235. Theo quy định tại Điều 236 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người nào có thẩm quyền mà cho phép chôn, lấp, đổ, thải trái quy định của pháp luật chất thải nguy hại có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy từ 3.000 kilôgam đến dưới 5.000 kilôgam thì bị xử lý với mức phạt nào sau đây?

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

c) Phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 236. Theo quy định tại khoản 1 Điều 237 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người nào phạm tội vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường mà có hành vi nào sau đây thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm?

a) Vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường để xảy ra sự cố môi trường.

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%.

c) Gây thiệt hại 7.000.000.000 đồng trở lên.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 237. Theo quy định tại Điều 237 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì pháp nhân thương mại có hành vi vi phạm về phòng ngừa sự cố môi trường để xảy ra sự cố môi trường sẽ bị xử lý với mức phạt nào sau đây?

a) Phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng.

b) Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

c) Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng.

d) phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng.

Câu 238. Theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người có hành vi xây nhà, công trình trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, công trình phòng, chống thiên tai, gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61 % trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121% hoặc gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 303 của Bộ luật Hình sự (Tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia), thì bị xử lý theo mức nào dưới đây?

a) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

d) Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

Câu 239. Theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người có hành vi vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông mà làm chết người thì sẽ bị xử lý với mức phạt nào sau đây?

a) Phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

b) Phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

c) Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

d) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

Câu 240. Theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì pháp nhân thương mại mà phạm tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông có thể bị xử lý với mức phạt tiền cao nhất là mức nào sau đây?

a) 500.000.000 đồng.

b) 1.000.000.000 đồng.

c) 3.000.000.000 đồng.

d) 5.000.000.000 đồng.

Câu 241. Theo quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì pháp nhân thương mại mà phạm tội có thể bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn đối với những tội danh nào sau đây?

a) Tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông.

b) Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam.

c) Tội hủy hoại rừng.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 242. Theo quy định tại khoản 1 Điều 239 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người có hành vi đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật từ 1.000 kilôgam đến dưới 3.000 kilôgam chất thải nguy hại có thành phần nguy hại đặc biệt vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hoặc có chứa chất phải loại trừ theo Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy hoặc từ 3.000 kilôgam đến dưới 10.000 kilôgam chất thải nguy hại khác bị xử lý theo mức nào dưới đây?

a) Bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

b) Bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

c) Bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm.

d) Bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03tháng đến 03 năm.

Câu 243. Theo khoản 2 Điều 239 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người có hành vi phạm tội có tổ chức đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam có thể bị phạt tù với mức nào sau đây?

a) Từ 02 năm đến 05 năm.

b) Từ 3 năm đến 06 năm.

c) Từ 02 năm đến 07 năm.

d) Từ 02 năm đến 08 năm.

Câu 244. Theo quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì pháp nhân thương mại có thể bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm đối với tội nào sau đây?

a) Tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người.

b) Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật.

c) Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam.

d) Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại.

Câu245. Theo quy định tại khoản 1 Điều 240 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người thực hiện hành vi đưa ra hoặc cho phép đưa ra khỏi vùng có dịch bệnh động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật hoặc vật phẩm khác có khả năng lây truyền dịch bệnh nguy hiểm cho người, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người, thì bị xử lý như theo mức nào sau đây?

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.

d) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Câu 246. Theo quy định tại Điều 240 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người thực hiện hành vi đưa vào, mang ra hoặc cho phép đưa vào, mang ra khỏi vùng có dịch động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật hoặc vật phẩm khác bị nhiễm bệnh hoặc mang mầm bệnh (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác) làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong những hành vi này mà còn vi phạm, thì bị xử lý theo mức nào dưới đây?

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

c) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

d) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

Câu 247. Theo quy định tại Điều 242 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì mức phạt tiền cao nhất đối với tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản dành cho pháp nhân thương mại phạm tội là bao nhiêu?

a) 5.000.000.000 đồng.

b) 3.000.000.000 đồng.

c) 4.000.000.000 đồng.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 248. Theo quy định tại Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người có hành vi đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng trong trường hợp cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích từ 30.000 mét vuông (m^2) đến dưới 50.000 mét vuông (m^2) thì bị xử lý theo mức nào dưới đây?

a) Bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

b) Bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 02 năm.

c) Bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.

d) Bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Câu 249. Theo quy định tại Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người có hành vi phạm tội hủy hoại rừng nào dưới đây bị xử phạt tiền 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 03 năm?

a) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 m^2 đến dưới 10.000 m^2.

b) Rừng phòng hộ có diện tích từ 3.000 m^2 đến dưới 7.000 m^2.

c) Rừng đặc dụng có diện tích từ 1.000 m^2 đến dưới 3.000 m^2.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 250. Theo quy đinh tại Điều 242 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người nào có hành vi vi phạm quy định về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, làm phá hoại nơi cư ngụ của loài thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ gây thiệt hại nguồn lợi thủy sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng sẽ bị xử lý với mức phạt nào sau đây?

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

b) Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 05 năm.

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

d) Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng.

Câu 251. Theo quy định tại Điều 242 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người mà có hành vi vi phạm quy định về bảo vệ nguồn lợi thủy sản mà gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ bao nhiêu phần trăm trở lên thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm?

a) 150%

b) 199%

c) 201%

d) 149%

Câu 252. Theo quy định tại Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người mà có hành vi nào sau bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm?

a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức đốt, phá rừng trái phép.

b) Đốt, phá rừng trái phép rừng đặc dụng có diện tích từ 1.000 mét vuông (m2) đến dưới 3.000 mét vuông (m2).

c) Đốt, phá rừng trái phép rừng đặc dụng có diện tích 5.000 mét vuông (m2) trở lên.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 253. Theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người nào vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm?

a) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

b) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

c) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép ngà voi có khối lượng từ 02 kilôgam đến dưới 20 kilôgam; sừng tê giác có khối lượng từ 50 gam đến dưới 01 kilôgam.

d) Tất cả các phương án đều đúng.

Câu 254. Theo quy định tại Điều 245 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người có hành vi vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên mà gây thiệt hại về tài sản 200.000.000 đồng trở lên thì bị xử lý với mức phạt nào sau đây?

a) Phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

b) Phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

d) Tất cả các phương án đưa ra đều đúng.

Câu 255. Theo quy định tại Điều 246 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người thực hiện hành vi nhập khẩu trái phép loài động vật, thực vật ngoại lai xâm hại hoặc loài động vật, thực vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại trong trường hợp vật phạm pháp trị giá từ 250.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc trong trường hợp vật phạm pháp trị giá dưới 250.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm bị xử lý với mức nào sau đây?

a) Bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

b) Bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

c) Bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

d) Bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.